

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG VIETINBANK (VBIF) Chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán lần đầu ra công chúng

- Tên của Quỹ: Quỹ đầu tư cân bằng VietinBank
Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 18/G.CN...UBCK do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 16.1.04./2026
- Loại hình Quỹ: Quỹ mở
- Ngày đăng ký Bản cáo bạch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: 16.1.04./2026
- Thời hạn hiệu lực của Bản Cáo bạch: 16.1.04./2026
- Tiêu đề của Bản cáo bạch: Bản cáo bạch Quỹ mở - Quỹ Đầu tư cân bằng VietinBank (VBIF)
- Thông cáo nội dung:
“Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 04 năm 2026.”
- Người Phụ trách công bố thông tin
Họ tên: Phan Hải Sâm
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh Công ty, Website...):
 - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – VietinBank Capital.
Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: (024) 3938.8855
Website: www.vietinbankcapital.vn
 - Tại địa điểm đăng ký của các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ theo danh sách trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.



Handwritten signature
1
Handwritten mark

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA.....	5
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	9
1. Tình hình kinh tế Việt Nam	9
2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và các cơ hội đầu tư.....	12
IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	15
1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ.....	15
1.1. Thông tin chung	15
1.2. Thông tin về chủ sở hữu Công ty quản lý quỹ:.....	16
1.3. Thông tin về Hội đồng thành viên Công ty:	16
1.4. Thông tin về Ban điều hành Công ty:	16
1.5. Thông tin về Người điều hành Quỹ	17
1.6. Thông tin về Hội đồng đầu tư.....	17
2. Tình hình hoạt động của VietinBank Capital.....	17
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	18
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	18
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	18
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	19
1. Tổ chức được ủy quyền cho dịch vụ đại lý chuyên nhượng:	19
2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ:.....	19
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG VIETINBANK.....	20
1. Thông tin chung về Quỹ	20
2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank	21
2.1. Các điều khoản chung	21
2.2. Mục tiêu đầu tư, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ	21
2.3. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ	25
2.4. Phương pháp lựa chọn đầu tư	25
2.5. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng	26
2.6. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư.....	27
2.7. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ	28
2.8. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ.....	28
2.9. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả.....	29
2.10. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	29
2.11. Đại hội nhà đầu tư.....	29
2.12. Ban đại diện quỹ.....	29

2.13.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ.....	29
2.14.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát	30
2.15.	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	30
3.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	30
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	
	34	
1.	Căn cứ pháp lý.....	34
2.	Phương án phát hành lần đầu (IPO)	35
2.1.	Thông tin chung	35
2.2.	Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối.....	38
2.3.	Đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu.....	38
2.4.	Phân phối chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	40
2.5.	Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư:	41
2.6.	Ngày dự kiến giao dịch đầu tiên sau đợt phát hành lần đầu:	41
2.7.	Xử lý trường hợp phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu không thành:	41
2.8.	Các đối tác liên quan đến đợt phát hành	41
3.	Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo	42
3.1.	Giao dịch mua chứng chỉ quỹ	44
3.2.	Giao dịch bán chứng chỉ quỹ	45
3.3.	Giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ.....	46
3.4.	Chương trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP).....	47
3.5.	Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ.....	48
3.6.	Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.....	48
3.7.	Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế,...).....	50
3.8.	Một số lưu ý cho Nhà đầu tư nước ngoài	50
4.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng.....	50
4.1.	Tần suất xác định giá trị tài sản ròng	50
4.2.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	50
5.	Thông tin hướng dẫn nhà đầu tư tham gia vào quỹ	51
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	51
1.	Báo cáo tài chính Quỹ.....	51
2.	Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	52
3.	Giá dịch vụ và thường hoạt động	52
4.	Các chỉ tiêu hoạt động	54
5.	Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	54
6.	Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	55
7.	Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ	55
XII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	55

XIII.	CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	56
XIV.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	56
	1. Công ty quản lý quỹ:.....	56
	2. Các Đại Lý Phân Phối:.....	57
XV.	CAM KẾT	57
XVI.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	57
	PHỤ LỤC 1:.....	58
	DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH	58
	PHỤ LỤC 2:.....	59
	QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	59
	PHỤ LỤC 3:.....	62
	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....	62
	PHỤ LỤC 4	69
	MẪU BIỂU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	69

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Capital)

- Bà Bùi Thu Trang: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty
- Ông Nguyễn Hồng Đức: Tổng Giám đốc Công ty
- Bà Phan Hải Sâm: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Ông Trần Mạnh Tiến: Trưởng phòng Kế toán tài chính, Phụ trách kế toán Công ty

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Mạnh Cường – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Capital) lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do VietinBank Capital và các tổ chức có liên quan cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản Cáo Bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

“Quỹ”	Là Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank, một loại hình Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở do Công ty quản lý quỹ quản lý chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng và được thành lập theo các quy định hiện hành về chứng khoán tại Việt Nam và Điều lệ Quỹ.
“Công ty quản lý quỹ” hoặc “VietinBank Capital”	Là Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK- GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/10/2010 và các giấy phép điều chỉnh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105059466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/10/2010 và các lần sửa đổi, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, được thành lập theo Giấy chứng

	<p>nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Quyết định chấp thuận hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.</p>
“Công ty kiểm toán”	<p>Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.</p>
“Đại lý chuyển nhượng”	<p>Là tổ chức được Công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.</p>
“Đại lý phân phối”	<p>Là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch này và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.</p>
“Điều lệ/Điều lệ Quỹ”	<p>Là Điều lệ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p>
“Bản cáo bạch”	<p>Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ</p>
“Hợp đồng giám sát”	<p>Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ</p>
“Nhà đầu tư”	<p>Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ</p>
“Đại hội Nhà đầu tư”	<p>Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức định kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ</p>

“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ
“Chứng chỉ Quỹ” hoặc “Đơn vị Quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Giá phát hành”	Là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ quỹ
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ
“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ được quy định tại Điều lệ và được khấu trừ từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó

“Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV)”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá
“Ngày định giá”	Là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch
“Điểm nhận lệnh”	Là trụ sở chính của đại lý phân phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của đại lý phân phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà đầu tư
“Tổ chức cung cấp giá”	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, các hệ thống báo giá trái phiếu được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch
“UBCKNN”	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
“HDTV”	Là Hội đồng thành viên
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

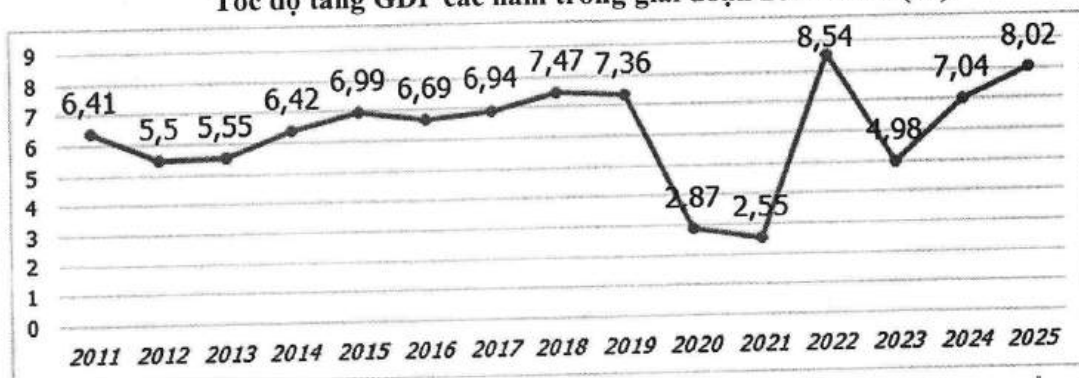
1. Tình hình kinh tế Việt Nam

1.1 Diễn biến kinh tế Việt Nam năm 2025

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2025 ước tính tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,70%, đóng góp 5,13% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,73%, đóng góp 45,80%; khu vực dịch vụ tăng 8,82%, đóng góp 49,07%. Về sử dụng GDP quý IV/2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,15% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 8,92%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 19,34%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 19,40%.

GDP năm 2025 tăng 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2019-2025, tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế.

Tốc độ tăng GDP các năm trong giai đoạn 2011-2025 (%)



Nguồn: GSO, VTBC Tổng hợp

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản mặc dù chịu tác động bất lợi từ bão, mưa lũ, nhưng nhờ triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì ở mức ổn định. Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 tăng 3,78%. Trong đó, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp tăng 3,48% so với năm trước, đóng góp 3,59% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,70%, đóng góp 0,38%; ngành thủy sản tăng 4,41%, đóng góp 1,33%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, sản xuất của nhiều ngành công nghiệp trọng điểm tăng cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2025 tăng 8,80% so với năm trước, đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng với tốc độ tăng 9,97%, đóng góp 31,49%. Ngành xây dựng tăng 9,62%, đóng góp 8,47%.

Trong khu vực dịch vụ, các hoạt động thương mại, du lịch tăng cao, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 cao nhất từ trước đến nay, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ năm 2025 ước tăng 8,62%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 10,66%

của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62%; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%, đóng góp 3,34%.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,65%; khu vực dịch vụ chiếm 42,75%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,96% (Cơ cấu tương ứng của năm 2024 là 12,03%; 37,52%; 42,35%; 8,10%).

Về sử dụng GDP năm 2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% so với năm 2024, đóng góp 61% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 8,68%, đóng góp 38%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,12%.

1.2 Điểm ấn tượng kinh tế vĩ mô năm 2025

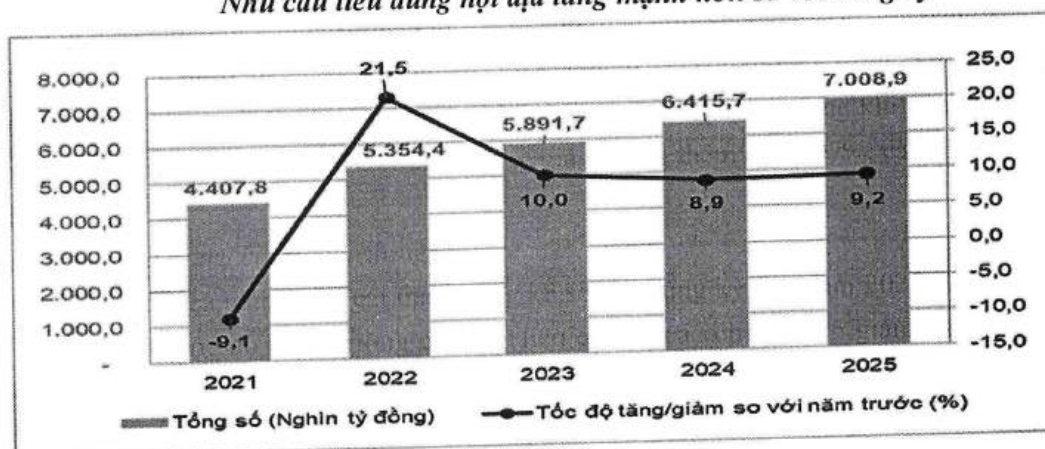
Sản xuất bất phá mạnh mẽ trong năm 2025

Năm 2025 chứng kiến sự phục hồi ấn tượng của ngành sản xuất, đặc biệt là trong 6 tháng cuối năm với chỉ số PMI luôn duy trì trên ngưỡng 50 điểm. Chỉ số PMI ghi nhận mức cao nhất 15 tháng vào tháng 10 đạt 54,5 điểm và kết thúc năm ở mức 53,0 điểm, đánh dấu chuỗi cải thiện điều kiện kinh doanh vững chắc. Việc Việt Nam và Mỹ thống nhất khuôn khổ Hiệp định thương mại đối ứng đã tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định hơn, thúc đẩy các đơn hàng xuất khẩu quay trở lại mạnh mẽ. Chỉ số IIP cả năm 2025 ước tăng 9,2% so với năm trước. Sự hồi phục của hoạt động khai khoáng và sản xuất kim loại là động lực quan trọng, trong khi công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì vị thế dẫn đầu với mức tăng giá trị tăng thêm đạt 9,97%, cao nhất trong giai đoạn 2019-2025.

Nhu cầu nội địa là trụ cột tăng trưởng

Tiêu dùng cả năm 2025 cải thiện đáng kể so với cùng kỳ các năm 2023 và 2024, đóng góp tới 61% vào tốc độ tăng trưởng chung. Hiệu quả từ các chính sách giảm thuế giá trị gia tăng cùng sự bùng nổ của ngành du lịch với lượng khách quốc tế đạt kỷ lục 21,2 triệu lượt (tăng 20,4%) đã tạo động lực mạnh mẽ cho chi tiêu ăn uống, lưu trú và dịch vụ giải trí. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm ước đạt 7.093 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 2024 (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7%).

Nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng mạnh hơn so với cùng kỳ



Đầu tư công và FDI đóng vai trò "trợ lực"

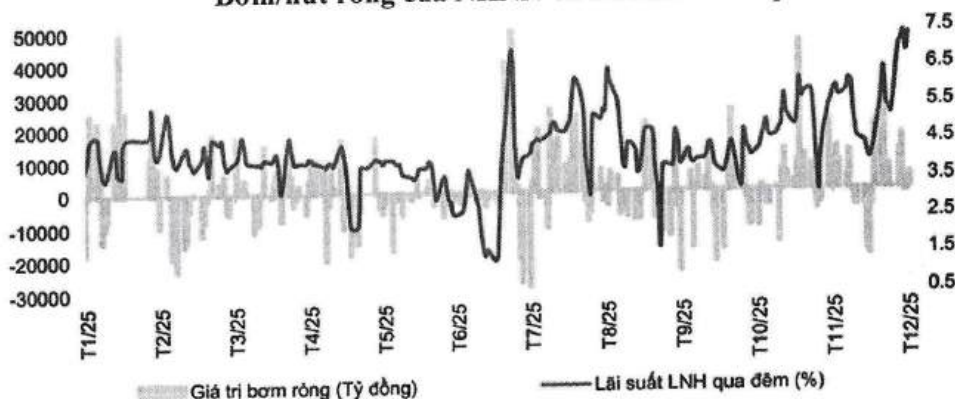
Tính đến hết năm 2025, giải ngân vốn đầu tư công ước đạt 858.621,8 tỷ đồng, bằng 94,8% kế hoạch Thủ tướng giao, đây là mức giải ngân cao nhất trong giai đoạn 5 năm 2021-2025. Vốn đầu tư công được tập trung quyết liệt cho các dự án hạ tầng chiến lược, tạo dư địa tăng trưởng dài hạn. Thu ngân sách cả năm ước đạt 2.650,1 nghìn tỷ đồng, bằng 134,7% dự toán năm, tạo nền tảng tài khóa vững chắc. Vốn FDI thực hiện cả năm cũng đạt mốc kỷ lục 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước, tiếp tục khẳng định Việt Nam là tâm điểm thu hút đầu tư trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Duy Trì Chính Sách Tiền Tệ Nới Lỏng

NHNN duy trì chính sách tiền tệ mở rộng xuyên suốt năm 2025 nhằm hỗ trợ nền kinh tế đạt mục tiêu tăng trưởng 8,02%. NHNN đã thực hiện bơm ròng mạnh mẽ qua kênh thị trường mở để hỗ trợ thanh khoản hệ thống, có thời điểm quy mô bơm ròng tuần lên tới hơn 171 nghìn tỷ đồng. Chi phí huy động của các NHTM duy trì ổn định quanh mức 4,6%-5,6% cho kỳ hạn 6-12 tháng, trong khi lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản vay mới và cũ dao động từ 6,6%-8,9%/năm. Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế cả năm đạt khoảng 19%, mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Trong bối cảnh lạm phát cả năm ở mức 3,31% và nền kinh tế đã đạt mục tiêu tăng trưởng 8,02%, chúng tôi nhận thấy NHNN đã duy trì nới lỏng tiền tệ, trong đó chú trọng việc duy trì mặt bằng lãi suất thấp để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng thực tế (cả năm tăng khoảng 19% so với đầu năm), cung cấp nguồn vốn giá rẻ dồi dào cho nền kinh tế, tạo động lực cho đầu tư và tiêu dùng.

Bơm/hút ròng của NHNN và lãi suất LNH qua đêm



Nguồn: MBS, VTBC tổng hợp

Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay ổn định, tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; thị trường bảo hiểm tăng trưởng ổn định, thị trường chứng khoán hoạt động sôi động, thanh khoản thị trường cải thiện rõ rệt.

Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,98% so với cuối năm 2024 (năm trước tăng 12,0%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 13,68% (năm trước tăng 11,7%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt khoảng 19,0% (năm trước tăng 15,1%).

Trong cả năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục duy trì các mức lãi

suất điều hành, đồng thời đẩy mạnh các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng kinh tế. Tại thời điểm cuối năm, lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại (NHTM) trong nước ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,5%-4,3%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,6%-5,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 4,9%-6,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,7%-7,4%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,6%-8,9%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng đồng Việt Nam đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4,0%/năm).

Tỷ giá trung tâm được điều hành linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường. Đến ngày 31/12/2025, tỷ giá trung tâm ở mức 25.121 VND/USD, tăng khoảng 3,23% so với thời điểm cuối năm 2024. Tỷ giá niêm yết mua - bán của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương ở mức 26.047-26.377 VND/USD, tăng khoảng 3,3% so với cuối năm 2024.

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và các cơ hội đầu tư

2.1. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp còn nhiều tiềm năng

Thị trường trái phiếu giữ đà tăng ổn định:

Tổng mức vốn huy động qua thị trường trái phiếu năm 2025 đạt hơn 1.015 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 27% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Quy mô thị trường đến cuối năm đạt khoảng 3,85 triệu tỷ đồng, tương đương 33,5% GDP năm 2024. Trong đó, phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) tiếp tục là kênh huy động chủ đạo, đóng góp 70% nhu cầu vốn của ngân sách trung ương và khoảng 80% tổng huy động vốn trong nước giai đoạn 2021-2025.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khung pháp lý được hoàn thiện, đồng thời công tác quản lý, giám sát và cảnh báo rủi ro cho nhà đầu tư được chú trọng. Bộ Tài chính đã chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền, kiến nghị các giải pháp chính sách phù hợp. Nhờ đó, thị trường TPDN năm 2025 tăng trưởng tích cực so với năm trước, cả về số lượng doanh nghiệp phát hành và tổng giá trị huy động, đạt 644,1 nghìn tỷ đồng.

TPDN phục hồi mạnh, doanh nghiệp ngân hàng chiếm ưu thế:

Theo thống kê từ Ban Giám sát các công ty đại chúng (UBCKNN), năm 2025, tỷ lệ dư nợ TPDN/GDP đạt 10,8%, phản ánh sự phục hồi rõ nét của thị trường. Tổng lượng TPDN phát hành cả năm đạt 644,1 nghìn tỷ đồng, tăng 35,4% so với năm 2024.

Trong đó, có các đợt phát hành ra công chúng trị giá 55 nghìn tỷ đồng (chiếm 8,5%), phát hành riêng lẻ trị giá 589 nghìn tỷ đồng (chiếm 91,5%). Hai nhóm ngành ngân hàng và bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất. Ngành ngân hàng dẫn đầu với 425,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 66% tổng giá trị phát hành, trong khi ngành bất động sản đạt 149,4 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 58,4% so với năm trước.

Về giao dịch, HNX đã tiếp nhận và đưa vào hệ thống các mã trái phiếu mới với tổng giá trị đăng ký tăng mạnh. Trong năm, thanh khoản thị trường thứ cấp cải thiện rõ nét với tổng giá trị giao dịch TPDN đạt 1,5 triệu tỷ đồng, tương đương bình quân 6,1 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 28% so với năm 2024.

Năm 2026, UBCKNN sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp hoàn thiện chính sách, tăng cường giám sát, nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ, hướng tới thị trường TPDN an toàn, minh bạch và bền vững.

Theo thống kê của HNX, tính đến ngày 31/12/2025, giá trị niêm yết trên thị trường giao dịch thứ cấp TPCP đạt quy mô lớn, tăng trưởng mạnh so với cuối năm 2024. Đáng chú ý, tổng giá trị giao dịch TPCP cả năm đạt 3.697.673 tỷ đồng, tăng 25,6% so với năm trước. Trong đó, giao dịch Outright đạt 2.673.077 tỷ đồng (chiếm 72,3%), giao dịch Repos đạt 1.024.596 tỷ đồng (chiếm 27,7%).

Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) duy trì ổn định, với tổng lượng mua ròng cả năm 2025 đạt 3.019 tỷ đồng, phản ánh niềm tin của khối ngoại vào sự ổn định của kinh tế vĩ mô và trái phiếu Việt Nam.

Trên thị trường TPDN riêng lẻ, tổng giá trị phát hành đạt 534.980 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2024. Lãi suất phát hành bình quân của nhóm bất động sản giảm nhẹ xuống 10%/năm. Các doanh nghiệp ngân hàng chiếm 68% tổng giá trị lưu hành toàn thị trường.

Giá trị TPDN được mua lại trước hạn đạt kỷ lục 350,3 nghìn tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2024, trong khi dư nợ TPDN lưu hành đạt hơn 1,38 triệu tỷ đồng. Thanh khoản thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 1.396.299 tỷ đồng, tăng 28,8% so với năm trước.

Về phát hành quốc tế, năm 2025 ghi nhận 2 đợt phát hành với tổng giá trị 350 triệu USD, kỳ hạn bình quân 4,71 năm, lãi suất 5,86%.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% từ năm 2026, yêu cầu đối với thị trường trái phiếu càng trở nên cấp bách, bởi đây là kênh huy động và phân bổ vốn trung – dài hạn quan trọng.

2.2. Thị trường cổ phiếu Việt Nam và cơ hội bút phá

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 ghi nhận những tín hiệu tích cực:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 ghi nhận những tín hiệu tích cực: Thị trường chứng khoán ghi nhận những tín hiệu hoạt động sôi động, thanh khoản thị trường cải thiện rõ rệt, thu hút dòng vốn mới. Tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán năm 2025 đạt gần 532 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bền vững so với năm 2024. Số lượng tài khoản của nhà đầu tư tính đến cuối năm 2025 đạt hơn 11,8 triệu tài khoản (trong đó nhà đầu tư cá nhân mở mới gần 2,6 triệu tài khoản trong năm), tăng 27,2% so với cuối năm 2024.

Trên thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 31/12/2025, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức kỷ lục 1.784,49 điểm, tăng hơn 40,0% so với cuối năm 2024; mức vốn hóa thị trường cổ phiếu trên sàn HOSE đạt hơn 7.200 nghìn tỷ đồng, tương đương trên 72% GDP năm 2024.

Giá trị giao dịch bình quân phiên cả năm 2025 đạt mức kỷ lục gần 31,5 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng đáng kể so với bình quân năm 2024. Đáng chú ý, có những giai đoạn cao điểm thanh khoản toàn thị trường vượt mốc 44 nghìn tỷ đồng/phiên nhờ dòng tiền nội hoạt động mạnh mẽ bắt chấp áp lực bán ròng từ khối ngoại

Đến cuối năm, thị trường cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch có quy mô mở rộng với hơn 1.600 mã; tổng giá trị niêm yết và đăng ký giao dịch trên toàn thị trường đạt hơn 2.850 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 20% so với cuối năm 2024.

Trên thị trường chứng khoán phái sinh, khối lượng giao dịch bình quân cả năm 2025 đạt hơn 240 nghìn hợp đồng/phiên, tăng 14,3% so với năm 2024; sản phẩm chứng quyền có bảo đảm và sự ra đời của hợp đồng tương lai chỉ số VN100 đã thu hút sự quan tâm lớn. Giá trị giao dịch bình quân chứng quyền đạt hơn 95 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh so với năm trước nhờ sự cải thiện về chất lượng hàng hóa và hệ thống giao dịch mới.

Năm 2026 đầy triển vọng của nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng:

Nhìn về năm 2026, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số trong giai đoạn 2026-2030, được hỗ trợ bởi cải cách cơ cấu, dòng vốn FDI mạnh mẽ và đẩy nhanh đầu tư hạ tầng. Những yếu tố này được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững của thị trường cổ phiếu.

Cụ thể, khi Việt Nam bước vào Kế hoạch 5 năm tham vọng nhất (2026-2030), Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP 10%- thể hiện niềm tin mạnh mẽ trên hành trình tiến tới nhóm quốc gia thu nhập trung bình cao. Trong bối cảnh cải cách cơ cấu đang tăng tốc và tính linh hoạt của chính sách được cải thiện, năm 2026 có thể trở thành năm bút phá, nếu việc triển khai thực tế theo kịp mục tiêu chính sách.

Trong huy động vốn tư nhân, ưu tiên hàng đầu là kích hoạt dòng vốn khu vực tư nhân thông qua mô hình PPP và phát triển sâu hơn thị trường vốn. Các mô hình PPP mới (như đầu tư công - quản trị tư) hứa hẹn nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực hạ tầng, năng lượng và dịch vụ thiết yếu. Việc xây dựng các doanh nghiệp nội địa quy mô lớn và kết nối doanh nghiệp nhỏ và vừa vào chuỗi cung ứng sẽ tạo thêm sức bật cho khu vực doanh nghiệp trong nước.

Triển vọng thị trường năm 2026 tiếp tục được hậu thuẫn bởi các cải cách nhằm tinh gọn bộ máy hành chính và đẩy nhanh tiến độ đầu tư công. Chính sách tài khóa vẫn duy trì xu hướng mở rộng, với chi đầu tư vốn hàng năm khoảng 63 tỷ USD, gấp hơn 2 lần so với chu kỳ trước, đóng vai trò động lực cho phát triển hạ tầng và đô thị.

Trong bối cảnh đó, định giá thị trường cổ phiếu vẫn hấp dẫn và nâng mục tiêu VN-Index cho năm 2026 lên 1.920 điểm. Hiện tại, chỉ số đang giao dịch ở mức P/E 2025 khoảng 14,5 lần, tương đương các thị trường trong khu vực, nhưng triển vọng tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 vượt trội hơn (14,5% so với 11,5% trung bình khu vực). Điều này đưa hệ số PEG (Price/Earnings to Growth) của VN-Index về mức hấp dẫn 0,96 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình khu vực là 1,44 lần.

Sang năm 2026, P/E dự phóng ở mức khoảng 12,7 lần, vẫn thấp hơn mức trung bình lịch sử 10 năm là 14 lần, qua đó củng cố sức hấp dẫn về mặt định giá của thị trường.

Về cải cách thị trường vốn, Việt Nam đang đẩy nhanh tiến trình cải cách thị trường vốn với nhiều bước đột phá quan trọng, bao gồm: Đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản giao dịch, giải quyết vướng mắc về cơ chế ký quỹ trước giao dịch (prefunding), mở rộng khả năng tiếp cận của các công ty môi giới toàn cầu. Nghị định 245/2025 tiếp tục củng cố khung pháp lý, trong đó cấm áp dụng trần sở hữu nước ngoài thấp hơn quy định pháp luật, đồng thời đặt nền móng cho cơ chế bù trừ trung tâm (CCP) dự kiến có thể triển khai từ nửa cuối năm 2026.

Đáng chú ý, việc mở rộng khả năng tiếp cận của các công ty môi giới toàn cầu thông qua hệ thống Straight-Through Processing (STP) giúp tự động hóa quy trình thanh toán và giao dịch chứng khoán, giảm thiểu can thiệp thủ công, cho phép rút ngắn chu kỳ thanh toán, đồng thời tinh giản mạnh mẽ hoạt động vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế.

Với tỷ lệ tín dụng/GDP ở mức khoảng 140%, Việt Nam cần cấp thiết phát triển thị trường vốn theo chiều sâu nhằm giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng và huy động vốn dài hạn cho hạ tầng và đổi mới sáng tạo. Các cải cách này hướng tới tăng cường hội nhập hệ thống tài chính và củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

Ước tính việc FTSE Russell nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi có thể giúp Việt Nam thu hút khoảng 1,5 tỷ USD từ dòng vốn thụ động của các quỹ ETF.

2.3. Cơ hội đầu tư vào quỹ mở cân bằng

Là một quỹ theo mô hình quỹ mở, Quỹ VBIF có nhiều ưu điểm nổi bật như:

- *Quản lý chuyên nghiệp:* Thay vì tự đầu tư, quỹ mở tạo cơ hội để các Nhà đầu tư tiếp cận với những sản phẩm đầu tư được quản lý bởi người điều hành quỹ chuyên nghiệp, có chuyên môn, kinh nghiệm đầu tư, và nguồn lực để lựa chọn danh mục đầu tư phù hợp với chiến lược đầu tư của quỹ, cũng như thường xuyên theo dõi và điều chỉnh danh mục đầu tư cho phù hợp với những biến động của thị trường nói riêng và nền kinh tế nói chung.
- *Thanh khoản:* Khi có nhu cầu, Nhà Đầu tư có thể bán lại chứng chỉ quỹ mở cho công ty quản lý quỹ với giá dựa trên NAV của quỹ. Đây là ưu điểm của hình thức đầu tư vào quỹ mở so với quỹ đóng.
- *Chiến lược phân bổ đầu tư hiệu quả:* Quỹ phân bổ linh hoạt giữa các tài sản đầu tư, phù hợp với điều kiện thị trường tại từng thời điểm, hướng tới mục tiêu tối ưu hiệu quả cho Nhà đầu tư.
- *Giá mua/bán chứng chỉ quỹ không biến động ngoài giá trị tài sản ròng như quỹ đóng niêm yết:* Quỹ mở cho phép nhà đầu tư mua/bán chứng chỉ quỹ với giá giao dịch chính bằng giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày giao dịch cộng với giá dịch vụ phát hành/trừ đi giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển tiền và thuế (nếu có).
- *Tính linh hoạt:* Nhà đầu tư có thể dễ dàng chuyển từ quỹ mở này sang quỹ mở khác nếu như mục tiêu đầu tư thay đổi.

IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

1.1. Thông tin chung

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: VietinBank Fund Management Company Limited.
- Tên viết tắt: VietinBank FMC.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26/10/2010 và các Giấy phép điều chỉnh.
- Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.39388855
- Website: www.vietinbankcapital.vn
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

- Thời hạn hoạt động: 50 năm.

1.2. Thông tin về chủ sở hữu Công ty quản lý quỹ:

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank).
- Giấy phép thành lập: Số 13/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 17/06/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp: 0100119484 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024.
- Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, Việt Nam

1.3. Thông tin về Hội đồng thành viên Công ty:

1.3.1. Bà Bùi Thu Trang – Chủ tịch HĐQT

Bà Bùi Thu Trang hiện giữ chức vụ Phó giám đốc Khối Tài chính VietinBank kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Capital.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và kiểm toán, bà Bùi Thu Trang từng đảm nhiệm các vị trí: Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam; Nhân viên Phòng Kế hoạch & Hỗ trợ ALCO, VietinBank; Tổ trưởng tổ ALM, Phòng Kế hoạch & Hỗ trợ ALCO, VietinBank; Phó phòng Quản lý cân đối vốn & KHTC, VietinBank; Trưởng phòng Kinh doanh vốn, VietinBank; Phó giám đốc Khối Tài chính kiêm Trưởng phòng Kế hoạch và Quản trị tài chính, Khối Tài chính VietinBank.

Bà Bùi Thu Trang tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương; Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Paris Dauphine và ESCP (Pháp).

1.3.2. Ông Nguyễn Hồng Đức – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Với kinh nghiệm nhiều năm quản lý trong ngành Ngân hàng, ông Nguyễn Hồng Đức từng đảm nhiệm các vị trí: Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Ngân hàng Chifon; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Chifon Global – Chi nhánh Cambodia; Phó Chủ tịch Ngân hàng CitiBank – Chi nhánh TP Hà Nội; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex; Đồng giám đốc VietinBank – Chi nhánh Đức.

Ông Nguyễn Hồng Đức tốt nghiệp cử nhân Đại học Ngoại thương; Thạc sỹ viện Công nghệ Châu Á. Ông đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

1.3.3. Ông Đoàn Ngọc Đoan – Thành viên HĐQT

Ông Đoàn Ngọc Đoan có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng. Tháng 10 năm 2016 ông Đoàn Ngọc Đoan được bổ nhiệm làm Phó trưởng Phòng thị trường vốn – Ngân hàng Công thương Việt Nam, phụ trách mảng Ngân hàng đầu tư. Đến tháng 8/2021 ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT VietinBank Capital.

1.4. Thông tin về Ban điều hành Công ty:

1.4.1. Ông Nguyễn Hồng Đức – Tổng giám đốc:

Thông tin như mục 1.3.2

1.4.2. Bà Phan Hải Sâm – Phó Tổng giám đốc

Bà Phan Hải Sâm có 30 năm kinh nghiệm làm việc trong hệ thống VietinBank, đảm

nhiệm các chức vụ như: Phó phòng thanh toán ngân quỹ - TSC VietinBank, Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán VietinBank, Phó Tổng giám đốc Công ty Chứng khoán VietinBank. Gia nhập Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam từ tháng 3/2022, bà Phan Hải Sâm được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc, trực tiếp phụ trách hoạt động Quản lý Quỹ, Quản lý Danh mục đầu tư của Công ty cho tới nay.

Từ 13/01/2023 đến nay, bà Phan Hải Sâm được VietinBank Capital bổ nhiệm giữ chức vụ người điều hành Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà Sâm tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế Học viện Ngân hàng. Bà đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

1.5. Thông tin về Người điều hành Quỹ

- **Bà Phan Hải Sâm – Phó Tổng giám đốc:**

Thông tin như mục 1.4.2

- **Bà Vũ Thị Việt Hà – Phó Trưởng phòng Quản lý quỹ**

Bà Vũ Thị Việt Hà hiện giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý Quỹ tại VietinBank Capital. Bà có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và quản lý quỹ, từng đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các tổ chức như: Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), Ngân hàng TMCP Quốc Dân, cũng như các phòng ban chuyên môn của VietinBank Capital. Vào VietinBank Capital từ năm 2017, Bà Hà đảm nhiệm các công việc chuyên môn tại các phòng ban gồm Phòng Quản lý tài sản, Phòng Đầu tư và Phòng Quản lý Danh mục đầu tư, Phòng Quản lý Quỹ, trực tiếp thực hiện các công việc quản lý danh mục của Quỹ Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam cũng như quản lý Danh mục của Khách hàng ủy thác của công ty.

Từ 27/03/2025 đến nay, bà Vũ Thị Việt Hà được VietinBank Capital bổ nhiệm giữ chức vụ người điều hành Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà Vũ Thị Việt Hà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Quan hệ Quốc tế tại Học viện Quan hệ Quốc tế, hoàn thành Chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại California State University – East Bay (Hoa Kỳ) và có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

1.6. Thông tin về Hội đồng đầu tư

Trong các trường hợp cụ thể, Công ty sẽ thiết lập Hội đồng đầu tư (nếu cần) theo quy chế nội bộ của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, chuyên gia từ bộ phận đầu tư/phân tích đầu tư và quản lý quỹ để tham vấn việc đầu tư, thoái vốn của Quỹ.

2. Tình hình hoạt động của VietinBank Capital

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh của VietinBank Capital đến từ ba mảng hoạt động chính là hoạt động quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và hoạt động quản lý quỹ đầu tư.

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Quý 4 năm 2025
Tổng doanh thu	22,18	70,41	42,25	13,47	13,40	13,8
Lợi nhuận sau thuế	8,85	56,48	0,65	8,01	10,64	6,71

Nguồn: BCTC kiểm toán các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 và BCTC quý 4 của VietinBank Capital

Lưu ý: các thông tin về hoạt động trong quá khứ của VietinBank Capital không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong tương lai.

2.2. Các quỹ Công ty đang quản lý

STT	Tên quỹ	Loại hình quỹ	Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại 31/12/2025 (VND)
1	Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam - VTBF	Quỹ mở	70.246.484.992

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số:** 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:** 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính:** 74 phố Thọ Nhuộm, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại:** 024-39411846 **Fax:** 024-39411847
- Lĩnh vực hoạt động chính: Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán và không được là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – VietinBank Capital**
 - Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và

các giấy phép điều chỉnh.

- Điện thoại: 024 3938.8855

• **Công ty Cổ phần Fincorp**

- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối số: 01/GCN-UBCK ngày 02/04/2018 do UBCKNN cấp.

- Điện thoại: 028 36361079

Fax: 028 36361078

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức được ủy quyền cho dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Tên tổ chức được ủy quyền: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

- Địa chỉ trụ sở chính: 112 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

- Số Giấy phép thành lập và hoạt động: Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

- Lĩnh vực hoạt động chính:

• Mở và đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ mở cho Nhà đầu tư; theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ mở của Nhà đầu tư bao gồm tài khoản trực tiếp và tài khoản ký danh;

• Ghi nhận, kiểm tra, tổng hợp và xử lý việc đăng ký mua Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu, các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi giao dịch Chứng chỉ quỹ. Lập sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư;

• Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính ("Sổ chính"), ghi nhận thông tin về người sở hữu Chứng chỉ quỹ.

• Cập nhật, xác nhận thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư và trên Sổ chính do Nhà đầu tư thay đổi thông tin, Nhà đầu tư thực hiện lệnh mua, bán, chuyển đổi, do nhận phân bổ lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu do thừa kế, tặng cho...

• Cung cấp thông tin về số dư trên tài khoản, thống kê giao dịch theo định kỳ cho Công ty quản lý quỹ để cung cấp cho Nhà đầu tư và cung cấp thông tin về số dư tài khoản cho Nhà đầu tư khi có yêu cầu từ Nhà đầu tư;

• Tổ chức thực hiện quyền cho người sở hữu Chứng chỉ quỹ bao gồm lập danh sách người sở hữu Chứng chỉ quỹ được hưởng quyền, tính toán và phân bổ quyền cho Nhà đầu tư theo tỷ lệ do Công ty Quản lý quỹ thông báo.

- Chi phí phải thanh toán cho dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định chi tiết tại điểm c, Khoản 2.2, Điều 2, Chương XI của Bản cáo bạch này.

2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ:

- Tên tổ chức được ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi

nhánh Hà Thành.

- Địa chỉ trụ sở chính: 74 phố Thọ Nhuộm, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
- Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.
- Điện thoại: 024-39411846 Fax: 024-39411847
- Lĩnh vực hoạt động chính:
 - Lưu giữ và quản lý các tài liệu và sổ sách kế toán phù hợp cho tất cả các giao dịch thực hiện bởi Quỹ và bất kỳ bên có liên quan nào khác đến Quỹ;
 - Hạch toán các giao dịch của Quỹ, ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ bao gồm thu nhập, chi phí, lãi và cổ tức, giao dịch đầu tư ... của Quỹ theo quy định Pháp luật;
 - Cung cấp báo cáo tại từng thời kỳ định giá của Quỹ; lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ Quỹ cung cấp hồ sơ, chứng từ cho tổ chức kiểm toán của Quỹ để thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quy theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- Chi phí phải thanh toán cho dịch vụ quản trị quỹ được quy định chi tiết tại điểm b, Khoản 2.2, Điều 2, Chương XI của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG VIETINBANK

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên quỹ: Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank
- Tên viết tắt: VBIF
- Tên tiếng Anh: VietinBank Balanced Investment Fund
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 02439388855

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số ~~6.8~~/GCN- UBCK do UBCKNN cấp ngày ~~16~~ tháng ~~04~~ năm 2026.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ:

Quỹ VBIF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép Thành lập và hoạt động sốngày .../.../2026.

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank là quỹ đầu tư đại chúng dạng mở, tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quỹ có trách nhiệm phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phát hành theo yêu cầu của Nhà đầu tư vào ngày giao dịch. Quỹ không giới hạn thời hạn hoạt động.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank

2.1. Các điều khoản chung

2.1.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của quỹ

- Quỹ được tổ chức dưới hình thức Quỹ mở theo quy định của Pháp luật.
- Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Việc thay đổi thời gian hoạt động của Quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.
- Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập. Thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ kết thúc ngay sau khi Quỹ bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

2.1.2. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán

Vốn Điều lệ quỹ: Vốn điều lệ tối thiểu huy động trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 (năm triệu) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng).

2.2. Mục tiêu đầu tư, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank hướng tới tăng trưởng vốn ổn định thông qua việc đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm sự kết hợp hài hòa giữa cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác. Mục tiêu là mang lại hiệu suất sinh lời ổn định đi kèm mức rủi ro được kiểm soát, nhằm bảo vệ tài sản trước biến động thị trường đồng thời tạo cơ hội tăng trưởng bền vững cho nhà đầu tư.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank được xây dựng dựa trên việc phân bổ tài sản hợp lý giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định để đạt được sự cân đối giữa tăng trưởng và ổn định. Quỹ điều chỉnh tỷ trọng đầu tư theo diễn biến kinh tế và thị trường nhằm tận dụng cơ hội sinh lời, đồng thời hạn chế rủi ro khi thị trường biến động. Danh mục đầu tư của quỹ tập trung chủ yếu vào (1) Các cơ hội đầu tư cổ phiếu niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM. Danh mục tập trung vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có tiêu chuẩn quản trị tốt và minh bạch, có tiềm năng tăng trưởng tốt so với mặt bằng chung của ngành và so với thị trường chung, có nền tảng tài chính vững chắc và được định giá phù hợp, và (2) các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ trong điều kiện bình thường của thị trường.

Quỹ sử dụng phương pháp phân tích, kết hợp đánh giá rủi ro và theo dõi thị trường thường xuyên để lựa chọn tài sản phù hợp. Danh mục được rà soát định kỳ và tái cơ cấu khi cần thiết

nhằm duy trì sự cân bằng với mục tiêu đầu tư và bảo vệ lợi ích dài hạn của nhà đầu tư.

2.2.3. Danh mục đầu tư của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC;
- f) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

(*) Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2.2.3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- b) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;

- d) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.

Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 2.2.3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

2.2.4. Các hạn chế đầu tư của Quỹ

Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Khoản 2.2.1 và Khoản 2.2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này.

2.2.4.1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 2.2.3 Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này;
- b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b, Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
- e. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này. Trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm

- không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 9 Điều lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;
- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank;
- i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k. Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
- 2.2.4.2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i Khoản 2.2.4.1, Mục 2.2, Điều 2 Chương IX của Bản Cáo bạch này và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:
- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 2.2.4.3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân

quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2.2.4.2 Điều này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2.2.4.1 Điều này.

2.2.4.4. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh danh mục đầu tư và bồi thường các tổn thất và thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Quỹ. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

2.3. *Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ*

- Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

2.4. *Phương pháp lựa chọn đầu tư*

- Quỹ sẽ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ danh mục sẽ căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi, tiềm năng tăng trưởng và những rủi ro. Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này.
- Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng cổ phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, tính minh bạch, sức khỏe tài chính, cũng như thực hiện định giá để tìm ra giá trị hợp lý của cổ phiếu đó. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này.

Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thị trường, các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của Công ty quản lý quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Với phương pháp này Quỹ sẽ lựa chọn danh mục đầu tư bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá:
Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý, cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ:
Lựa chọn các công cụ nợ trên cơ sở đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ, mức độ hấp dẫn của lợi tức và khả năng thanh khoản của trái phiếu, công cụ nợ đó.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu:
Lựa chọn trái phiếu của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ cao, được xem xét cụ thể trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố cơ bản của tổ chức phát hành.
Lựa chọn trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán và trái phiếu chính quyền địa phương được xem xét cụ thể trên cơ sở nhận định về xu hướng lãi suất và tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Quỹ sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng cổ phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, tiềm năng tăng trưởng, tính minh bạch, sức khỏe tài chính, cũng như thực hiện định giá để tìm ra giá trị hợp lý của cổ phiếu đó.
- Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác:
- Lựa chọn các tài sản đầu tư khác phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.
- Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, áp dụng phương pháp tiếp cận "Bottom Up Approach" và "Top-Down approach", các biện pháp bảo đảm trái phiếu, cùng những diễn biến giao dịch của trái phiếu đó (nếu có) trước tác động của khuynh hướng thị trường.

2.5. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ.

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng Tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi các khoản nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định nội bộ của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp quy định tại sổ tay định giá của Quỹ do công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ (NAV của một đơn vị quỹ) bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày

định giá. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong sổ tay định giá do công ty quản lý quỹ xây dựng phù hợp với Điều lệ Quỹ và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

2.6. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

2.6.1. Nhà đầu tư

Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, huỷ bỏ hay thay đổi người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.

2.6.2. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

Nhà đầu tư có quyền:

- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và hưởng lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
- b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi chứng chỉ Quỹ (nếu có);
- c) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư; tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- d) Các quyền khác theo quy định tại Điều 14 Điều lệ quỹ.

Nhà đầu tư có nghĩa vụ:

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ;
- b) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- c) Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ Quỹ;
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

2.6.3. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý sổ Đăng ký Nhà đầu tư chính ("Sổ chính") hoặc đại lý ký danh (nếu có), lập và quản lý Sổ Đăng ký Nhà đầu tư phụ ("Sổ Phụ") để xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Chứng chỉ Quỹ. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Đại lý ký danh được mở, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

Giá dịch vụ quản lý số phụ không được hạch toán vào Quỹ. Nội dung Sổ Chính và sổ Phụ được quy định tại Điều 15 Điều lệ Quỹ.

2.6.4. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư được quy định cụ thể tại điều 23 Điều lệ Quỹ.

2.6.5. Các trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

- a) Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.
- b) Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình chia, tách Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật.
- c) Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - Ngân hàng Giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
 - Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trình tự, thủ tục thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình thanh lý, giải thể Quỹ được thực hiện và xử lý theo quy định của pháp luật. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

2.7. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

Được quy định tại Mục 3 phần X của Bản cáo bạch này.

2.8. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một đơn vị quỹ: Chứng chỉ quỹ được giao dịch 02 lần/tuần vào thứ ba và thứ năm hàng tuần. Việc tăng/giảm tần suất

giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hình thức công bố thông tin về các giá giao dịch chứng chỉ quỹ, nơi công bố thông tin, tần suất công bố thông tin được công bố tại Bản cáo bạch.

Thông tin về các mức giá dịch vụ: giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi được quy định cụ thể tại điểm d, khoản 3.1, điều 3 chương X Bản cáo bạch này.

2.9. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả

Giá dịch vụ quản lý quỹ; Giá dịch vụ giám sát; Các loại giá dịch vụ, chi phí hạch toán vào quỹ; các loại giá dịch vụ, chi phí mà nhà đầu tư phải thanh toán được quy định chi tiết tại khoản 2.2, Điều 2, chương XI Bản cáo bạch này.

2.10. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ: Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với quỹ, thuế thu nhập đối với nhà đầu tư (hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn hoặc nhà đầu tư tự thanh toán) theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

2.11. Đại hội nhà đầu tư

Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư tại ngày chốt danh sách đều có quyền tham dự đại hội.

Đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định của pháp luật. Quyền hạn, nhiệm vụ, thể thức tiến hành, thông qua quyết định và các quy định khác của đại hội nhà đầu tư được quy định chi tiết tại Chương IV Điều lệ Quỹ.

2.12. Ban đại diện quỹ

Ban đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank do đại hội nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư. Các quy định về tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ; Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ và các quy định khác của Ban đại diện quỹ được quy định chi tiết tại Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Điều lệ quỹ.

2.13. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ:

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ.
- b) Không phải là người có liên quan của Ngân hàng giám sát.

- c) Có đầy đủ cơ sở vật chất và nhân sự để thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ mở.
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.
 - Trách nhiệm và quyền hạn của công ty quản lý quỹ: quy định tại Điều 35 Điều lệ quỹ.
 - Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty quản lý quỹ: quy định tại Điều 36 Điều lệ quỹ.
 - Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ: quy định tại Điều 37 Điều lệ quỹ.

2.14. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát:

Ngân hàng giám sát được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 116 Luật Chứng khoán;
- b) Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty Quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
- c) Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là Người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.
- d) Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
- e) Đáp ứng điều kiện về nhân sự và năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ;
- f) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.
 - Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng giám sát: quy định tại Điều 39 Điều lệ quỹ.
 - Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát: quy định tại Điều 41 Điều lệ quỹ.

2.15. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất một (01) công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
- c) Được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- d) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Giống như các hình thức đầu tư khác, việc đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank cũng bao hàm những rủi ro. Nhà đầu tư cần nhận thức rõ những rủi ro này và hiểu được mức độ chấp nhận rủi ro của mình để cân nhắc thật kỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào Quỹ. Mặc dù công ty quản lý quỹ đã áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro, nhưng vẫn có các rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư cần lưu ý những điểm quan trọng sau đây:

- Việc đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi

bất kỳ một Ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Nhà đầu tư có thể không thu được lợi nhuận hoặc đạt mức lợi nhuận thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác cùng thời điểm và cùng thời gian nắm giữ, hoặc có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu. Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank, VietinBank Capital, Ban điều hành và nhân viên VietinBank Capital không có bất cứ sự đảm bảo nào đối với đầu tư ban đầu của Nhà đầu tư, cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ.

- Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank nhằm vào mục tiêu đầu tư tạo lợi nhuận và tăng trưởng tài sản ròng cho Nhà đầu tư. Tuy nhiên, các Nhà đầu tư không nên kỳ vọng có được ngay các khoản thu nhập và có được tăng trưởng giá trị tài sản ngay trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.
- Kết quả hoạt động trong quá khứ của VietinBank Capital không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank.
- Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức sẽ được thanh toán trong tương lai. Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận, chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà đầu tư và/hoặc của Ban Đại diện quỹ tùy thuộc vào nguồn lợi nhuận có thể phân phối. Các Nhà đầu tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc như trong thời gian dự kiến.
- VietinBank Capital không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và chủ sở hữu, Ban điều hành và nhân viên của VietinBank Capital không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của VietinBank Capital trong quá trình quản lý quỹ này.
- Quỹ hoạt động theo cơ chế quỹ mở nên Nhà đầu tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay bán lại chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank. Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu trong đầu tư chứng khoán, nhưng không phải toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ:

3.1. Rủi ro thị trường:

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ tham gia có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường, có thể giảm thiểu được bằng cách xác định và quản trị cụ thể đến từng loại rủi ro cấu thành, ví dụ như các rủi ro về tín dụng, lạm phát, rủi ro về lãi suất, rủi ro về biến động giá thị trường, rủi ro về tỷ giá.

3.2. Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường, dẫn tới giá thị trường của chứng khoán

thay đổi... Thông thường, giá trị thị trường của trái phiếu và các chứng khoán cố định biên động ngược chiều với lãi suất. Để hạn chế những rủi ro về lãi suất, công ty quản lý quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất

3.3. Rủi ro lạm phát:

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do lạm phát. Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao; hoặc ngược lại.

3.4. Rủi ro thanh khoản:

Đây là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của Nhà đầu tư do tính thanh khoản của thị trường thấp; hay các lệnh bán/lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữ một phần trạng thái tiền tệ và tỷ lệ thích hợp ở các tài sản có tính thanh khoản cao nhất để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý; việc thanh toán trong đa phần trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những tài sản kém thanh khoản nhất thời.

3.5. Rủi ro pháp lý:

Thị trường chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ. Sẽ tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động của thị trường chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công ty quản lý quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp.

3.6. Rủi ro tín nhiệm:

Rủi ro tín nhiệm là những nhận thức khác nhau được đánh giá dựa trên các vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm, hiệu quả đầu tư, dịch vụ khách hàng, khả năng thanh toán các khoản lãi và nợ... Rủi ro tín nhiệm có thể dẫn tới dư luận tiêu cực, tranh chấp, kiện tụng, làm ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý khách hàng, từ đó giảm hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.7. Rủi ro xung đột lợi ích:

Công ty Quản lý quỹ sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý quỹ điều hành. Công ty Quản lý quỹ đã thiết lập quy chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ, quy trình đầu tư cũng như bộ phận quản lý danh mục đầu tư riêng biệt cho từng quỹ nhằm hạn chế xung đột lợi ích giữa các quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát của Ngân hàng giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro này.

3.8. Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể

Các loại tài sản mà Quỹ dự kiến đầu tư bao gồm cổ phiếu, các tài sản được phép đầu tư khác. Rủi ro của các tài sản nói trên phụ thuộc chủ yếu các yếu tố như tình hình kinh tế, pháp lý, thanh khoản, lãi suất, tỷ giá... Ngoài ra, đối với trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác phụ thuộc vào thời gian tổ chức cung cấp phát hành ra tài sản đó, các chính sách của Bộ tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các yếu tố rủi ro khác của tổ chức phát hành.

3.9. Rủi ro cá biệt:

Quỹ có thể gặp rủi ro vì không đạt kết quả đầu tư như mong muốn, và kết quả đầu tư có thể thấp hơn so với các lựa chọn đầu tư khác có sẵn tại thời điểm đầu tư.

Quỹ có thể gặp rủi ro về biến động giá khi một hay một số Nhà đầu tư đang nắm giữ một số lượng lớn Chứng chỉ quỹ quyết định thực hiện lệnh bán các Chứng chỉ quỹ này cùng lúc. Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi tới giá Đơn Vị Quỹ nếu công ty quản lý quỹ phải thoái vốn các khoản đầu tư tại mức thấp. Các quy định về thực hiện một phần lệnh bán và tạm dừng lệnh bán có thể giảm thiểu rủi ro biến động giá của Quỹ.

3.10. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với phần vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán. Rủi ro này chủ yếu liên quan đến các chứng khoán có thu nhập cố định. Công ty quản lý quỹ sẽ xem xét cẩn trọng và thường xuyên đánh giá chất lượng tín dụng trong quá trình lựa chọn đầu tư trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định khác.

3.11. Rủi ro tỷ giá:

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự biến động tỷ giá. Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được Quỹ giám sát thông qua việc phân tích kỹ lưỡng các nguồn doanh thu và các khoản công nợ của các công ty đó. Ở khía cạnh khác, Quỹ sẽ không bảo vệ và chịu trách nhiệm cho rủi ro tỷ giá đối với Nhà đầu tư nước ngoài mua chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank bằng đơn vị tiền tệ sử dụng duy nhất của Quỹ là đồng Việt Nam. Các Nhà đầu tư nước ngoài vì vậy sẽ phải tự tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3.12. Rủi ro tái đầu tư:

Đây là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu khi dòng tiền từ trái tức được tái đầu tư với mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất thị trường tại thời điểm mua trái phiếu. Rủi ro này xảy ra khi mức lãi suất thị trường có xu hướng giảm. Việc quản trị rủi ro tái đầu tư sẽ được Quỹ thực hiện qua công tác theo dõi chặt chẽ kỳ vọng lãi suất trên thị trường, thể hiện trên đường cong lợi suất và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng.

3.13. Rủi ro bất khả kháng:

Đây là rủi ro khi các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ, có thể bao

gồm những sự kiện như:

- Thảm họa thiên nhiên (động đất, lũ lụt), hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- Môi trường kinh doanh như khủng hoảng tài chính, hệ thống ngân hàng, hoặc các lãnh đạo chủ chốt doanh nghiệp mất khả năng điều hành;
- Khủng hoảng, trục trặc hệ thống thông tin, máy tính.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC và Thông tư 18/2025/TT-BTC;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng

khoán Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 20/2025/TT-BTC;

- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bảo quản chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 74/2022/TT-BTC và Thông tư 64/2025/TT-BTC;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)

2.1. Thông tin chung

Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ VBIF ra công chúng.

Tên Tiếng Việt	Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank
Tên Tiếng Anh	VietinBank Balanced Investment Fund
Tên viết tắt	VBIF
Loại hình	Quỹ mở
Thời hạn hoạt động của Quỹ	Không xác định
Mục tiêu đầu tư	Quỹ hướng tới tăng trưởng vốn ổn định thông qua việc đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm sự kết hợp hài hòa giữa cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác. Mục tiêu là mang lại hiệu suất sinh lời ổn định đi kèm mức rủi ro được kiểm soát, nhằm bảo vệ tài sản trước biến động thị trường đồng thời tạo cơ hội tăng trưởng bền vững cho nhà đầu tư.
Chiến lược đầu tư	Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng dựa trên việc phân bổ tài sản hợp lý giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định để đạt được sự cân đối giữa tăng trưởng và ổn định. Quỹ điều chỉnh tỷ trọng đầu tư theo diễn biến kinh tế và thị trường nhằm tận dụng cơ hội sinh lời, đồng thời hạn chế rủi ro khi thị trường biến động. Danh mục đầu tư của quỹ tập trung chủ yếu vào (1) Các cơ hội đầu tư cổ phiếu niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM. Danh mục tập trung vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có tiêu chuẩn quản trị tốt và minh bạch, có tiềm năng tăng trưởng tốt so với mặt bằng chung của ngành và so với thị trường chung, có nền tảng tài chính vững chắc và được định giá phù hợp, và (2) các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ trong điều kiện bình thường của thị trường. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích, kết hợp đánh giá rủi ro và theo dõi thị trường thường xuyên để lựa chọn tài sản phù hợp. Danh mục được rà

	soát định kỳ và tái cơ cấu khi cần thiết nhằm duy trì sự cân bằng với mục tiêu đầu tư và bảo vệ lợi ích dài hạn của nhà đầu tư.
Danh mục đầu tư	<p>Quỹ được đầu tư vào các loại tài sản như sau :</p> <p>a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</p> <p>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</p> <p>e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC;</p> <p>f) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p>
Cơ cấu danh mục đầu tư	Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc theo quy định tại khoản 2.2.4, Điều 2, Chương IX Bản cáo bạch này.
Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư	Quỹ chỉ được phép đầu tư những tài sản được phép đầu tư và trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này. Ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ có trách nhiệm giám sát và kiểm tra hoạt động đầu tư của Quỹ nhằm đảm bảo hoạt động này tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này.

Vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu	50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng chẵn)
Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu dự kiến chào bán	5.000.000 (Năm triệu) Chứng Chỉ Quỹ
Thời hạn phát hành	<p>Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải công bố bản thông báo chào bán theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đồng thời gửi UBCKNN bản thông báo chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng (Thông báo chào bán).</p> <p>Công ty quản lý quỹ đảm bảo thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi (20) ngày kể từ ngày chào bán lần đầu Chứng chỉ quỹ và tối đa là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực theo quy định hiện hành của Luật chứng khoán.</p> <p>Thời gian phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng có thể kết thúc sớm hơn thời gian dự kiến nếu thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:</p> <p>(i) Tổng giá trị đăng ký mua tối thiểu đạt 50.000.000.000 đồng;</p> <p>(ii) Thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi (20) ngày kể từ ngày phân phối chính thức được ghi trong Thông báo Chào bán;</p> <p>(iii) Có ít nhất 100 nhà đầu tư, không bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.</p>
Mệnh giá	10.000 (mười nghìn) đồng/Chứng Chỉ Quỹ
Giá phát hành lần đầu	10.000 (mười nghìn) đồng/Chứng Chỉ Quỹ
Giá dịch vụ phát hành lần đầu	Miễn phí (0%)
Đơn vị tiền tệ	Đồng Việt Nam
Số tiền đăng ký mua tối thiểu	500.000 (Năm trăm nghìn) đồng/lệnh mua
Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu	Số chứng chỉ quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua hợp lệ/Giá phát hành lần đầu
Phương thức và hình thức thanh toán	Nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng giám sát, Đại lý phân phối sẽ cung cấp thông tin chi tiết về tài khoản của Quỹ và hướng dẫn khách hàng thực hiện việc thanh toán chuyển khoản này.

Thời gian xác nhận giao dịch của nhà đầu tư	Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ
Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ để Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ công bố ngày giao dịch chính thức trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và/hoặc đại lý phân phối

2.2. Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối

Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank được phát hành lần đầu thông qua các Đại lý phân phối và địa điểm phân phối sau:

- **Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – VietinBank Capital**
 - Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và các giấy phép điều chỉnh.
 - Điện thoại: (024) 3938.8855
- **Công ty Cổ phần Fincorp**
 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối số: 01/GCN-UBCK ngày 02/04/2018 do UBCKNN cấp.
 - Điện thoại: 028 36361079 Fax: 028 36361078

2.3. Đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu

- **Đăng ký mở tài khoản**
 - Trường hợp Nhà đầu tư chưa có tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ: Nhà đầu tư cần điền đầy đủ thông tin vào Đơn Đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (Đơn Đăng ký) và nộp cho Đại lý phân phối/công ty quản lý quỹ để tiến hành mở tài khoản. Đơn Đăng ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối được nêu tại khoản 2.1 của Điều này và tại công ty quản lý quỹ. Đơn Đăng ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng ký. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng ký mỗi khi có sự thay đổi.
 - Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Đơn Đăng ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được nêu tại khoản 2.1 của Điều này. Tại mỗi Đại lý phân phối, Nhà đầu tư chỉ được mở một tài khoản

giao dịch chứng chỉ quỹ. Dựa trên hoạt động của Đại lý phân phối, tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được mở dưới dạng:

- (i) Tài khoản của Nhà đầu tư mở tại Đại lý phân phối, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư; hoặc
 - (ii) Tài khoản ký danh mở tại Đại lý ký danh, thuộc sở hữu của Nhà đầu tư tại sở phụ, đứng tên là Đại lý ký danh.
- Trường hợp Nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ: Nhà đầu tư không phải thực hiện lại bước đăng ký mở tài khoản và có thể tiến hành giao dịch mua chứng chỉ quỹ theo quy định.

• *Điền phiếu lệnh*

Nhà đầu tư phải điền đầy đủ và chính xác thông tin trên Phiếu lệnh, là Phiếu đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ. Phiếu lệnh hoàn chỉnh phải được gửi tới Đại lý phân phối. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ thông tin.

• *Quá trình xử lý đơn đăng ký và lệnh mua CCQ*

- Nhà đầu tư nộp Đơn Đăng ký và Phiếu Lệnh mua, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu tại các Đại lý phân phối của Quỹ. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được quy định tại mục 2.1 Điều này của Bản cáo bạch. Các Đại lý phân phối sẽ tập hợp các hồ sơ này và chuyển thông tin cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối. Công ty quản lý quỹ được quyền từ chối thực hiện các hồ sơ này của Nhà đầu tư trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình xử lý Đơn Đăng ký.
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối. Việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán.
- Nhà đầu tư nộp tiền mua chứng chỉ quỹ bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng hoặc nộp tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng Đồng Việt Nam. Phí chuyển tiền do Nhà đầu tư trả.
- Thông tin tài khoản để Nhà đầu tư nộp tiền/chuyển khoản mua Quỹ:
 - + Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG VIETINBANK
 - + Số tài khoản: *theo danh sách tài khoản của từng Đại lý phân phối*
 - + Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành
 - + *Nội dung chuyển tiền:* [Họ tên Nhà đầu tư]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ]_mua CCQ lần đầu

Lưu ý:

- Khi Nhà đầu tư nộp tiền qua hình thức chuyển khoản, đề nghị chọn “phí ngoài” để đảm bảo số tiền ghi trên Phiếu lệnh Mua khớp với số tiền Nhà đầu tư nộp vào tài khoản quỹ.
- Giá trị mua tối thiểu: 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

(Chi tiết Nhà đầu tư vui lòng tham khảo thêm ở Phụ lục 2 kèm theo Bản cáo bạch này).

- Thời hạn thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện trước ngày kết thúc đợt phát hành, cụ thể theo Thông báo chào bán của Công ty quản lý quỹ.
- Tuân thủ:

Đơn Đăng ký và Phiếu Lệnh mua được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho công ty quản lý quỹ nhằm tuân thủ các quy định về Nhận biết khách hàng (“KYC”) và các quy định Phòng chống rửa tiền (“AML”). Vì vậy, các thông tin Nhà đầu tư cung cấp liên quan đến Đơn Đăng ký và Phiếu Lệnh mua cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tất cả các Nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Đơn Đăng ký/Phiếu Lệnh mua không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.

Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của các quy định về thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác được ban hành bởi Chính phủ Việt Nam hoặc Chính phủ sở tại của Nhà đầu tư tại các thời điểm khác nhau.

Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua chứng chỉ quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, Nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

- Chấp nhận Đơn Đăng ký/ Phiếu Lệnh mua:

Công ty quản lý quỹ có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng ký/Phiếu Lệnh mua nào theo các điều khoản của Điều lệ, Bản cáo bạch, các quy định về KYC, AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà đầu tư.

2.4. Phân phối chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu (IPO)

Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:
Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua hợp lệ x (1 - Giá dịch vụ phát hành (%)) / giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch

- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Trường hợp số tiền chuyển vào tài khoản của Quỹ thấp hơn giá trị mua tối thiểu 500.000 VND (Năm trăm nghìn đồng), việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu xem như không

hợp lệ. Số tiền đăng ký mua này sẽ được hoàn trả lại Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Phí chuyển tiền phát sinh được trừ vào số tiền hoàn trả này.

- Trong trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác với số tiền ghi trên Phiếu Lệnh mua, nhưng không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng Đơn vị quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ.
- Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ vượt quá số vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu, Nhà đầu tư sẽ được phân phối đầy đủ số lượng chứng chỉ quỹ theo như số tiền đã đăng ký và thực góp.
- Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank sẽ không niêm yết giao dịch chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Nhà đầu tư có thể giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo tại Đại lý phân phối chỉ định sau khi Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank được cấp giấy chứng nhận thành lập quỹ.

2.5. Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư:

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy đăng ký lập quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc Đại lý chuyển nhượng được chỉ định phải lập và quản lý sổ Đăng ký Nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2.6. Ngày dự kiến giao dịch đầu tiên sau đợt phát hành lần đầu:

Thứ Ba hoặc thứ Năm đầu tiên trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.

2.7. Xử lý trường hợp phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu không thành:

Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng, hoặc có ít hơn một trăm (100) Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ sẽ hủy đợt phát hành và báo cáo cho UBCKNN đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng hai mươi bốn (24) giờ làm việc sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, công ty quản lý quỹ phải hoàn trả mọi khoản tiền đã đóng góp cho Nhà đầu tư, bao gồm cả lãi phát sinh (nếu có). Công ty quản lý quỹ chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn trong trường hợp này.

2.8. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành

- Tổ chức phát hành: Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank
- Đại diện phát hành: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
- Hệ thống Đại lý phân phối: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Công ty Cổ phần Fincorp.
- Công ty kiểm toán dự kiến: Công ty kiểm toán được cơ quan có thẩm quyền của Quỹ lựa chọn thông qua.

- Chi tiết về địa chỉ các Điểm nhận lệnh của các Đại lý phân phối được nêu chi tiết tại khoản 2.1 của Điều này.

3. Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo

Thời gian giao dịch sau đợt phát hành lần đầu	Sau thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 16, Điều lệ Quỹ										
Ngày giao dịch (“Ngày T”)	Ngày giao dịch của Quỹ là ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần. Nếu ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp theo thông báo của công ty quản lý quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất ba (03) ngày trên trang web của VietinBank Capital.										
Giá bán	Giá bán một chứng chỉ quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành										
Giá mua lại	Giá mua lại của một chứng chỉ quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại										
Giá dịch vụ mua lại	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một chứng chỉ quỹ tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được và được khấu trừ khi Quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại sẽ được thanh toán cho Công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ mua lại áp dụng: <table border="1" data-bbox="513 1258 1401 1503"> <thead> <tr> <th>Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ</th> <th>Giá dịch vụ mua lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Dưới 03 tháng</td> <td>2,0%</td> </tr> <tr> <td>Từ 03 tháng đến dưới 12 tháng</td> <td>1,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng</td> <td>0,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 24 tháng</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ	Giá dịch vụ mua lại	Dưới 03 tháng	2,0%	Từ 03 tháng đến dưới 12 tháng	1,5%	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	0,5%	Từ 24 tháng	0%
Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ	Giá dịch vụ mua lại										
Dưới 03 tháng	2,0%										
Từ 03 tháng đến dưới 12 tháng	1,5%										
Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	0,5%										
Từ 24 tháng	0%										
Giá dịch vụ phát hành	Giá dịch vụ phát hành là giá dịch vụ Nhà đầu tư phải trả khi mua chứng chỉ quỹ sau đợt chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá dịch vụ phát hành áp dụng: 0%										

Giá dịch vụ chuyển đổi	Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi áp dụng: 0%
Số lượng đăng ký giao dịch mua/bán tối thiểu	- Số tiền đăng ký mua tối thiểu: 500.000 VND (Năm trăm nghìn đồng), - Lệnh bán tối thiểu là 100 (một trăm) chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp lệnh bán yêu cầu giảm số chứng chỉ quỹ nắm giữ về 0 (không).
Thời điểm đóng sổ lệnh	14 giờ 45 phút ngày làm việc gần nhất trước Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (ngày (T-1)). Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào 14 giờ 45 phút của ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi các dịp lễ tết xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
Thời hạn xác nhận giao dịch	Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+3), Đại lý chuyển nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà đầu tư vào sổ chính để cung cấp thông tin cho Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối, đại lý ký danh để thông báo đến Nhà đầu tư.
Thời hạn thanh toán cho nhà đầu tư	Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định.
Tần suất giao dịch của quỹ	02 (hai) lần/tuần vào thứ Ba và thứ Năm hàng tuần (ngoại trừ ngày nghỉ lễ, Tết).
Phương thức giao dịch	Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản, đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ thông qua hình thức trực tiếp tại địa điểm/đại lý phân phối hoặc theo hình thức trực tuyến thông qua các nền tảng, ứng dụng điện tử (nếu có) theo hướng dẫn của đại lý phân phối trong từng thời kỳ. Trường hợp nhận lệnh qua hình thức trực tuyến phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh điện tử.
Hủy lệnh giao dịch	Lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ chỉ được hủy trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Nhà đầu tư thực hiện hủy lệnh tại Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch. Trong trường hợp Nhà đầu tư hủy lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền

	mua chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quý, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.
Địa điểm và đại lý phân phối	<p>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank Capital Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (024) 3938.8855 Website: www.vietinbankcapital.vn</p> <p>Công ty Cổ phần Fincorp Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028 36361079 Fax: 028 36361078 www.fmarket.vn</p>

3.1. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- *Đơn Đăng ký/Phiếu lệnh mua*
- Nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ cần phải thực hiện mở tài khoản tại Đại lý phân phối/Công ty quản lý quỹ theo mẫu tại phụ lục 04 Bản cáo bạch này.
- Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ cần điền đầy đủ vào phiếu lệnh mua được đính kèm theo Đơn đăng ký mở tài khoản nếu giao dịch lần đầu hoặc có sẵn tại các Điểm nhận lệnh khi mua các lần tiếp theo.
- Phiếu Lệnh mua chứng chỉ quỹ phải được nộp trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại ngày T-1 trước Ngày giao dịch. Các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.
- Nhà đầu tư phải nộp tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng Đồng Việt Nam trước thời điểm Đóng sổ lệnh. Phí chuyển tiền do Nhà đầu tư trả. Ngoài ra, Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của các quy định về thuế thu nhập, quy định về AML.
- *Quy trình xử lý lệnh mua*

Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = (Số tiền đăng ký mua x (1 - Giá dịch vụ phát hành (%)) / (NAV trên một đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch)

- Lệnh mua thành công của Nhà đầu tư sẽ được thông báo trong vòng ba (03) ngày làm việc sau Ngày giao dịch, số lượng đơn vị quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai số thập phân sau dấu phẩy. Số đơn vị quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại đơn vị quỹ của Nhà đầu tư.
- Trong trường hợp công ty quản lý quỹ từ chối Lệnh mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn đăng ký

trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ áp dụng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

- Trường hợp số tiền thực tế chuyển vào tài khoản của quỹ lớn hơn số tiền đặt mua trên phiếu lệnh, lệnh mua chứng chỉ quỹ sẽ được khớp theo số tiền đặt mua trên phiếu lệnh, trừ trường hợp Công ty quản lý quỹ có quyết định khác. Số tiền còn lại chưa khớp sẽ được Công ty quản lý quỹ hoàn trả vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn đăng ký trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ khi Nhà đầu tư yêu cầu giữ lại số tiền để thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch tiếp theo. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.
- Trường hợp số tiền thực tế chuyển vào tài khoản của quỹ thấp hơn số tiền đặt mua trên phiếu lệnh, lệnh mua chứng chỉ quỹ sẽ không được khớp. Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn trả số tiền này vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn đăng ký trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ khi Nhà đầu tư yêu cầu giữ lại số tiền để thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch tiếp theo. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

Giá trị mua tối thiểu: 500.000 VNĐ (Năm trăm nghìn đồng).

- *Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ*
 - Lệnh mua được gửi tới Đại lý phân phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
 - Nhà đầu tư/Người được ủy quyền hợp pháp thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ nhưng không ghi đầy đủ thông tin trên Phiếu lệnh mua chứng chỉ quỹ theo quy định.
 - Sau thời điểm đóng sổ lệnh, Quỹ không nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, đại lý ký danh.
 - Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định.

Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ hoàn trả vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn đăng ký trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ khi Nhà đầu tư yêu cầu giữ lại số tiền để thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch tiếp theo. Trường hợp công ty quản lý quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển vào Quỹ, công ty quản lý quỹ sẽ chuyển trả Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi công ty quản lý quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

3.2. Giao dịch bán chứng chỉ quỹ

- *Phiếu Lệnh bán*

Nhà đầu tư có thể bán Đơn vị quỹ vào bất kỳ Ngày giao dịch nào bằng cách nộp Phiếu Lệnh bán tới một Điểm nhận lệnh bất kỳ trước Thời điểm đóng sổ lệnh cho Ngày Giao Dịch đó. Nhà đầu tư có thể đặt lệnh bán số Đơn vị quỹ muốn bán, lẻ đến hai chữ số thập phân.

- *Quy trình Xử lý lệnh bán*

- Giá trị bán mà Nhà đầu tư nhận được tính theo công thức sau:

Giá trị Bán = Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại x NAV trên một Đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch x (1 - Giá dịch vụ mua lại (%))

- Số tiền Nhà đầu tư thực nhận sẽ bằng Giá trị bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).
- Tiền bán chứng chỉ quỹ được quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định tại Đơn đăng ký chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền bán chứng chỉ quỹ này.
- Nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán theo quy định của pháp luật.
- *Lệnh bán tối thiểu:* Lệnh Bán tối thiểu là 100 (một trăm) chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số chứng chỉ quỹ nắm giữ về 0 (không).
- *Số dư tài khoản tối thiểu:* Không áp dụng.
- *Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ*
- Lệnh bán được gửi tới Đại lý phân phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ đang sở hữu.

3.3. Giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể thực hiện lệnh chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở do

VietinBank Capital quản lý.

- Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
 - Nhà đầu tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu.
 - Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ của các quỹ tương ứng.
 - Trong trường hợp chuyển đổi sẽ không áp dụng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu cho mỗi lệnh mua ở quỹ mục tiêu và số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản ở quỹ mục tiêu.
 - Nhà đầu tư thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi mà không phải thanh toán Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại trên số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định tại mục Giá dịch vụ, chi phí và lệ phí tại Bản cáo bạch này.
 - Nhà đầu tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi trong vòng ba (03) ngày kể từ Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của quỹ mục tiêu.
 - Lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần như quy định tại mục 3.6 dưới đây.
- Các trường hợp chuyển đổi không hợp lệ*
- Lệnh chuyển đổi được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
 - Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ đang sở hữu.

3.4. Chương trình Đầu Tư Định Kỳ (SIP)

Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ là chương trình đầu tư có hệ thống trong một khoảng thời gian, theo đó Nhà đầu tư có thể đầu tư một khoản tiền mua chứng chỉ quỹ định kỳ hàng tháng. Chương trình đầu tư định kỳ phổ biến ở nhiều quốc gia có lĩnh vực quỹ mở phát triển và thu hút được sự tham gia của nhiều Nhà đầu tư do những lợi ích mà chương trình đầu tư này có thể mang lại cho Nhà đầu tư.

a. Cách thức tham gia

Để tham gia chương trình SIP, Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các bước sau:

- Bước 1: Đăng ký tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại các Đại lý phân phối (Trường hợp Nhà đầu tư đã có tài khoản, chuyển bước 2).
- Bước 2: Điền phiếu đăng ký chương trình SIP theo mẫu tại Phụ lục 2 Bản cáo bạch này và chuyển tới Đại lý phân phối hoặc đăng ký SIP qua hình thức giao dịch trực tuyến. Lệnh mua sẽ tự sinh cho các kỳ giao dịch tiếp theo, Nhà đầu tư không cần phải đặt lại lệnh.
- Bước 3: Chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát.

b. Cách thức hoạt động của chương trình

- **Thời gian tham gia tối thiểu:** Mười hai (12) tháng và có thể được tiếp tục không giới hạn. Chương trình SIP sẽ duy trì liên tục cho đến khi Nhà đầu tư chấm dứt chương trình.
- **Số tiền tối thiểu:** 500.000 (Năm trăm nghìn) VND/tháng.
- **Ngày thực hiện giao dịch SIP:** là ngày giao dịch gần nhất kể từ ngày Nhà đầu tư đăng ký tham gia chương trình Đầu tư định kỳ.
- **Thời hạn thanh toán và thời điểm đóng số lệnh:** Trước 14 giờ 45 phút ngày làm việc liền trước ngày thực hiện giao dịch SIP.
- **Lệnh mua:** Sau khi Nhà đầu tư điền thông tin vào Phiếu đăng ký và chuyển tiền thanh toán SIP vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, lệnh mua SIP sẽ được khớp vào ngày giao dịch gần nhất. Sau kỳ giao dịch đầu tiên, hệ thống sẽ tự sinh một (01) lệnh mua SIP cho mỗi tháng tiếp theo, Nhà đầu tư chỉ cần chuyển tiền mà không cần đặt lại lệnh. Trường hợp số tiền thanh toán định kỳ của Nhà đầu tư chuyển nhiều hơn một (01) lần trong tháng thì hệ thống sẽ ưu tiên khớp lệnh mua cho số tiền Quỹ nhận được sớm nhất theo thứ tự thời gian. Các khoản tiền còn lại sẽ được tự động chuyển sang kỳ giao dịch đầu tiên của tháng kế tiếp nếu Nhà đầu tư không yêu cầu hoàn trả với số tiền này. Đối với những kỳ không được thanh toán, lệnh mua SIP sẽ không được thực hiện.
- **Lệnh bán:** Quy trình thực hiện lệnh bán SIP được áp dụng như quy trình của lệnh bán thông thường. Lệnh bán sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch gần nhất sau khi Đại lý phân phối nhận được yêu cầu hợp lệ.
- **Hình thức thanh toán:**
 - Nhà đầu tư có thể chủ động chuyển tiền đầu tư SIP vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát hàng tháng hoặc đặt các lệnh chờ thanh toán tại Ngân hàng nơi Nhà đầu tư mở tài khoản.

- Nội dung chuyển tiền: [Tên Nhà đầu tư]_[Số tài khoản giao dịch CCQ]_VBIFS002.
- Trường hợp số tiền thanh toán SIP lớn hơn số tiền đăng ký trên phiếu lệnh, lệnh mua sẽ được khớp theo số tiền đặt mua trên phiếu lệnh, trừ trường hợp Công ty quản lý quỹ có quyết định khác. Số tiền còn lại sẽ được Công ty quản lý quỹ hoàn trả vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn đăng ký trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trừ khi Nhà đầu tư yêu cầu giữ lại số tiền để thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch tiếp theo. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.
- Trường hợp số tiền thanh toán SIP thấp hơn số tiền đăng ký trên phiếu lệnh hoặc thấp hơn mức tối thiểu, lệnh mua SIP sẽ không được thực hiện. Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn trả số tiền này vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư chỉ định trong Đơn đăng ký trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trừ khi Nhà đầu tư yêu cầu giữ lại số tiền để thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch tiếp theo. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.
- Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định điểm d, khoản 3.1, điều 3, chương X của Bản cáo bạch này.

- Chấm dứt Đầu tư định kỳ trong các trường hợp:

- Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt SIP; hoặc
- Nhà đầu tư không thanh toán khoản đầu tư định kỳ trong 02 (hai) kỳ liên tiếp (tương ứng 02 tháng).
- Trường hợp Nhà đầu tư muốn tiếp tục đầu tư SIP, Nhà đầu tư có thể đăng ký lại và khoản đầu tư này không được coi là nối tiếp của khoản đầu tư SIP trước đó.

3.5. Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ cần nộp tiền vào tài khoản của Quỹ với thông tin chi tiết như sau:

- Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG VIETINBANK
- Số tài khoản: theo danh sách tài khoản của từng Đại lý phân phối
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành
- Nội dung đối với lệnh mua thường: [Họ tên Nhà đầu tư]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ]_[VBIFN001]
- Nội dung đối với lệnh mua theo chương trình đầu tư định kỳ: [Họ tên Nhà đầu tư]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ]_[VBIFS002]

Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng Đại lý phân phối của Quỹ như sau:

TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản
1	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	
2	Công ty Cổ phần Fincorp	

3.6. Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

- a. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi

của Nhà đầu tư nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- i. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
 - ii. Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư trong một ngày giao dịch dẫn đến Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày giao dịch thấp hơn 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- b. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định ở điểm a Khoản 3.6 Điều này, công ty quản lý quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ như sau:

Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của Nhà đầu tư theo quy định tại Điều này. Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại từ Nhà đầu tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i * SLTT / \sum SLDK_i$$

Trong đó:

X_i : Số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của Nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

$SLDK_i$: Số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư đăng ký bán

$SLTT$: Tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà công ty quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà đầu tư

$\sum SLDK_i$: Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán.

Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới.

Các thông báo về phân lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư.

- c. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- d. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm c Khoản 3.6 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- e. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với các trường hợp quy định tại điểm c, khoản 3.6 Điều này.
- f. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại điểm e Khoản 3.6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ

chức hợp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

3.7. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế,...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế,...) chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại Lý Phân Phối.
- Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại Lý Phân Phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh của mỗi Ngày Giao Dịch;
- Giá dịch vụ khi thực hiện giao dịch: Xem mục Giá dịch vụ, chi phí và lệ phí được quy định tại Bản cáo bạch này.
- Nhà đầu tư /người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

3.8. Một số lưu ý cho Nhà đầu tư nước ngoài

- Trước khi mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Nhà đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành.
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài không cư trú phải thực hiện chuyển khoản từ chính Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (Tài khoản IICA) của Nhà đầu tư mở tại Ngân hàng được phép theo quy định của pháp luật vào tài khoản của Quỹ đối với việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư phải nộp giấy xác nhận từ Ngân hàng về việc mở Tài khoản IICA cho Đại Lý Phân Phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở.
- Việc chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài không cư trú được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài tài khoản IICA sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài không cư trú phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ không được chuyển khoản từ tài khoản IICA theo quy định của pháp luật.

4. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.1. Tần suất xác định giá trị tài sản ròng

Ngày định giá là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các ngày giao dịch và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

4.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

$$\text{Giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)} = \frac{\text{Giá trị tài sản ròng}}{\text{Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành}}$$

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.

Giá trị tài sản ròng (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Trong đó:

- Tổng tài sản có của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
 - Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị tài sản ròng được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ và sẽ được tính làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.
 - Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được quy định rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ đồng ý và thông báo kịp thời tới Ngân hàng giám sát.

4.3. Công bố Giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty quản lý quỹ phải tiến hành công bố thông tin về Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của UBCKNN hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.

5. Thông tin hướng dẫn nhà đầu tư tham gia vào quỹ

Nhà đầu tư cần hiểu rõ các dự báo và ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư của Quỹ không hàm ý bảo đảm về kết quả trong tương lai của Quỹ.

Do đó, Nhà đầu tư được khuyến cáo:

- Nhận thức được rủi ro chung của việc đầu tư trên thị trường tài chính.
- Nhận thông tin trực tiếp về Quỹ từ các trang thông tin chính thức, đại lý phân phối chính thức, trang thông tin điện tử của UBCKNN.
- Trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu rõ thông tin trong Điều lệ, Bản cáo bạch hay báo cáo định kỳ của Quỹ, Nhà đầu tư nên đề nghị công ty quản lý quỹ làm rõ và tham khảo thêm từ những chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm.

Quy trình và các bước hướng dẫn Nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ lần đầu và các lần tiếp theo được nêu cụ thể tại Phụ lục 02 của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính Quỹ

Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán của Quỹ được công bố

trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính công ty quản lý quỹ để nhận được bản sao báo cáo tài chính năm gần nhất.

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ được trình bày chi tiết trong các báo cáo tài chính soát xét bán niên/hàng năm của quỹ và được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

a. Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá, dựa trên NAV tại Ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% NAV/năm (Một phẩy năm phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm). Mức giá này có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

b. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến vận hành hoạt động của Quỹ.

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký và quản trị cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại Ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Các mức giá dịch vụ cụ thể như sau:

Stt	Loại Giá dịch vụ	Biểu Giá	Min/Max	Ghi chú
I	GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ (*)	0,06%*NAV/Năm	Min: 15.000.000 đồng/tháng	NAV được xác định tại thời điểm lập báo cáo
II	GIÁ DỊCH VỤ GIÁM SÁT (*)	0,02%*NAV/Năm	Min: 5.000.000 đồng/tháng	
III GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ XỬ LÝ GIAO DỊCH				
3.1	Đối với cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch	Min: 100.000 đồng/ngày	Xác định tại ngày giao dịch chứng khoán
3.2	Đối với trái phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Min: 100.000 đồng/ngày	
3.3	Đối với chứng khoán OTC	100.000 đồng/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.		
IV GIÁ DỊCH VỤ TRẢ VSDC (GIÁ DỊCH VỤ BÊN THỨ 3)				
4.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm/tháng; 0,18 đồng/trái phiếu doanh nghiệp/tháng;	Max 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp;	Giá dịch vụ lưu ký và chuyển khoản áp dụng theo biểu giá Bộ Tài chính quy định trong

		0,14 đồng/công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công/tháng	Max 1.400.000 đồng/tháng/mã công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	từng thời kỳ, Khi BTC thay đổi biểu giá thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng (**)
4.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/CK/1 lần chuyển khoản/1 mã	Max 300.000 đồng/lần/mã CK	
4.3	Các khoản giá dịch vụ VSDC thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		
V	GIÁ DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ			
	Giá dịch vụ Quản trị Quỹ	0,03%*NAV/Năm	Min: 15.000.000 đồng/tháng	

(*) Không áp dụng mức giá dịch vụ tối thiểu cho Quỹ trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ nhỏ hơn 150 tỷ đồng.

(**) Biểu giá dịch vụ này chưa bao gồm VAT (nếu có) và chưa bao gồm phí chuyển tiền, phí quản lý tài khoản tiền, phí đóng mở tài khoản (nếu có theo biểu phí dịch vụ của Bên A theo từng thời kỳ).

c. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Stt	Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	Mức giá (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	
1.1	Quỹ có tần suất giao dịch từ 02 phiên/tuần trở xuống	10 triệu đồng/quỹ/tháng
1.2	Quỹ có tần suất giao dịch trên 02 phiên/tuần	12 triệu đồng/quỹ/tháng
2	Giá dịch vụ cung cấp danh sách người sở hữu chứng khoán và các giá dịch vụ có liên quan khác	Theo quy định cụ thể của VSDC trong từng thời kỳ

Ghi chú: Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng có thể thay đổi theo từng thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch Quỹ căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng.

d. Các chi phí khác

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- Giá dịch vụ môi giới cho các giao dịch của Quỹ;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;

- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ khi cần thiết (ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết);
- Các chi phí hợp lý, hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
- Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
- Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

a. Tỷ lệ chi phí hoạt động được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các Ngày định giá chia cho số Ngày định giá chứng chỉ quỹ trong năm.

b. Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một (01) năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\% \times 365}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một (01) năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank luôn hướng tới việc tối đa hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Cổ tức Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank được quy định cụ thể như sau:

- Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho Nhà đầu tư mỗi năm một (01) lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, theo đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa mãn ba điều kiện sau:

- Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
 - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
 - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng 0 (không).
- Công ty quản lý quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ khác đến hạn.
 - Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà đầu tư.
 - Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị quỹ. Chỉ những Nhà đầu tư được ghi trong danh sách Nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
 - Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
 - Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
 - Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của Quỹ.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Các báo cáo hoạt động của Quỹ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và cung cấp cho Nhà đầu tư tại văn phòng Công ty quản lý quỹ và tại các đại lý phân phối chỉ định.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công ty quản lý quỹ sẽ:

- a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
- b. Tách biệt tài sản của công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do công ty quản lý

- quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban giám đốc, thành viên ban kiểm soát, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
 3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong công ty quản lý quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

- Trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối; hoặc
- Trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng sẽ gửi Nhà đầu tư thông kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, và báo cáo NAV, báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ.

VietinBank Capital sẽ công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các thông tin sau:

- Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo quy định;
- Báo cáo thông kê về giá dịch vụ trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và hàng năm;
- Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo quy định;
- Báo cáo hoạt động của Quỹ và thông kê giá dịch vụ giao dịch cũng sẽ được bổ sung vào Bản cáo bạch cập nhật sau một năm hoạt động và sẽ được cập nhật ít nhất một lần một năm.

Các tài liệu này được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư. Nhà đầu tư cps quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

VietinBank Capital sẽ tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ tới các cơ quan có thẩm quyền.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Mọi yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của công ty quản lý quỹ hoặc các Đại Lý Phân Phối trong giờ làm việc.

1. Công ty quản lý quỹ:

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank Capital

- Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và các giấy phép điều chỉnh.

- Điện thoại: (024) 3938.8855
- Website: www.vietinbankcapital.vn

2. Các Đại Lý Phân Phối:

- Công ty Cổ phần Fincorp

- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối số: 01/GCN-UBCK ngày 02/04/2018 do UBCKNN cấp.
- Điện thoại: 028 36361079 Fax: 028 36361078
- www.fmarket.vn

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Phụ lục 1: Danh sách Đại Lý Phân Phối và Điểm nhận lệnh
- Phụ lục 2: Quy trình và hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ
- Phụ lục 3: Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng
- Phụ lục 4: Mẫu phiếu giao dịch chứng chỉ quỹ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
 TRIỂN VIỆT NAM – CN HÀ THÀNH



Nguyễn Mạnh Cường

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
 NH TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Bùi Thu Trang

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
 NH TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Đức

PHỤ LỤC 1:

DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH

Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank được phân phối tại các Điểm nhận lệnh và tại các Đại lý phân phối sau:

1. **Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank Capital**
 - Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và các giấy phép điều chỉnh.
 - Điện thoại: (024) 3938.8855
 - Website: www.vietinbankcapital.vn
2. **Công ty Cổ phần Fincorp**
 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 176/1 - 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối số: 01/GCN-UBCK ngày 02/04/2018 do UBCKNN cấp.
 - Điện thoại: 028 36361079 Fax: 028 36361078
 - www.fmarket.vn

PHỤ LỤC 2:

QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ GIAO DỊCH

Tần suất giao dịch	Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần
Ngày Giao dịch	Là ngày T
Thời điểm đóng sổ lệnh	14 giờ 45 phút ngày (T-1)
Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ (CCQ)	<p>Để giao dịch chứng chỉ quỹ mở, Nhà đầu tư cần mở Tài khoản giao dịch CCQ. Nhà đầu tư cần chuẩn bị hồ sơ mở tài khoản bao gồm:</p> <p><i>Đối với Nhà đầu tư cá nhân:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn Đăng ký mở tài khoản giao dịch CCQ (theo mẫu).- Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu của Nhà đầu tư.- Thoả thuận giao dịch trực tuyến (Đối với Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trực tuyến).- Giấy xác nhận mã số giao dịch chứng khoán đối với cá nhân nước ngoài. <p><i>Đối với Nhà đầu tư tổ chức:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn Đăng ký mở tài khoản giao dịch CCQ (theo mẫu).- Bản sao chứng thực hồ sơ pháp lý Công ty: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (lần đầu và thay đổi gần nhất), Điều lệ Công ty, Đăng ký mã số thuế, Đăng ký mẫu dấu.- Bản sao chứng thực CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền (nếu có).- Văn bản uỷ quyền (Nếu có).- Giấy xác nhận mã số giao dịch chứng khoán đối với tổ chức nước ngoài.

2. QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH

2.1. MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ:

- a) Trường hợp Nhà đầu tư chưa có tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ: Nhà đầu tư cần điền đầy đủ thông tin vào Đơn Đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (Đơn Đăng ký) và nộp cho Đại lý phân phối/công ty quản lý quỹ để tiến hành mở tài khoản. Đơn Đăng ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối được nêu tại phụ lục 1 Bản cáo bạch này và tại công ty quản lý quỹ. Đơn Đăng ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định tại khoản 1 Phụ lục này. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng ký mỗi khi có sự thay đổi.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Đơn Đăng ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản

giao dịch tại mỗi Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được nêu tại phụ lục 1 Bản cáo bạch này. Tại mỗi Đại lý phân phối, Nhà đầu tư chỉ được mở một tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.

- b) Trường hợp Nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ: Nhà đầu tư không phải thực hiện lại bước đăng ký mở tài khoản và có thể tiến hành giao dịch mua chứng chỉ quỹ theo quy định.

2.2. ĐẶT LỆNH MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Bước 1: Nhà đầu tư đặt lệnh MUA chứng chỉ quỹ thông qua hình thức đặt lệnh trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc đặt lệnh trực tuyến (online qua website hoặc app,...) mà Đại lý phân phối áp dụng tại từng thời điểm.

Lưu ý:

Lệnh MUA phải được đặt trước Thời điểm đóng sổ lệnh (14 giờ 45 phút ngày (T-1)) để được giao dịch vào Ngày giao dịch T.

Trên Phiếu lệnh MUA, Nhà đầu tư điền tổng số tiền đăng ký mua đã bao gồm cả Giá dịch vụ phát hành (nếu có).

Bước 2: Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ cần nộp tiền vào tài khoản của Quỹ với thông tin chi tiết như sau:

- Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG VIETINBANK
- Số tài khoản: theo danh sách tài khoản của từng Đại lý phân phối được quy định bên dưới.
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành
- Nội dung đối với lệnh mua thường: [Họ tên Nhà đầu tư]_[Số tài khoản giao dịch CCQ]_VBIFN001.
- Nội dung đối với lệnh mua theo chương trình đầu tư định kỳ: [Họ tên Nhà đầu tư]_[Số tài khoản giao dịch CCQ]_VBIFS002.

Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng Đại lý phân phối của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank như sau:

TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	
2	Công ty Cổ phần Fincorp	

Lưu ý:

Khi Nhà đầu tư nộp tiền qua hình thức chuyển khoản, đề nghị chọn “phí ngoài” để đảm bảo số tiền ghi trên Phiếu lệnh Mua khớp với số tiền Nhà đầu tư nộp vào tài khoản quỹ.

Giá trị mua tối thiểu: 500.000 đồng.

Xác nhận kết quả giao dịch:

Khi Nhà đầu tư đặt lệnh MUA, số lượng CCQ Nhà đầu tư mua được sẽ là:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} * (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành (\%)})}{\text{NAV trên một đơn vị quỹ}}$$

- Số lượng CCQ có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số CCQ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại CCQ của Nhà đầu tư.
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch CCQ, Đại lý phân phối sẽ gửi Nhà đầu tư kết quả giao dịch, trong đó xác nhận số lượng CCQ Nhà đầu tư mua được.

2.3. ĐẶT LỆNH BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

Nhà đầu tư đặt lệnh BÁN chứng chỉ quỹ thông qua hình thức đặt lệnh trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc đặt lệnh trực tuyến (Online qua website hoặc app,...) mà Đại lý phân phối áp dụng tại từng thời điểm.

Lưu ý:

Lệnh BÁN phải được đặt trước Thời điểm đóng sổ lệnh (14 giờ 45 phút ngày (T-1)) để được giao dịch vào Ngày giao dịch T.

Số lượng đăng ký bán tối thiểu: Lệnh Bán tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn vị Quỹ, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số Đơn vị Quỹ nắm giữ về 0 (không).

Xác nhận kết quả giao dịch:

- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch CCQ, Đại lý phân phối sẽ gửi Nhà đầu tư xác nhận giao dịch.
- Tiền bán chứng chỉ quỹ được quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch CCQ.

2.4. HỦY LỆNH GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- Nhà đầu tư HỦY lệnh mua, bán chứng chỉ quỹ thông qua hình thức huỷ lệnh trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc huỷ lệnh trực tuyến (online qua website hoặc app,...) trước Thời điểm đóng sổ lệnh (14 giờ 45 phút ngày (T-1)) để huỷ lệnh giao dịch được đặt cho Ngày giao dịch T. Trong trường hợp yêu cầu Hủy lệnh đến sau thời điểm đóng sổ lệnh, yêu cầu Hủy đó sẽ không được thực hiện và những lệnh mà Nhà đầu tư đặt trước đó sẽ được thực hiện.
- Trong trường hợp Nhà đầu tư huỷ lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua CCQ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch CCQ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

PHỤ LỤC 3:
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

1. Phạm vi áp dụng

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng này là một phần không thể thiếu cùng với các tài liệu Quỹ khác (Điều lệ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt) của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được xây dựng để hướng dẫn cho việc định giá các tài sản trong danh mục của Quỹ tại các ngày định giá của Quỹ Đầu tư Cân bằng VietinBank trong quá trình hoạt động, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về thành lập và quản lý quỹ mở.

2. Ngày định giá

- Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và điều lệ Quỹ.
- Ngày định giá là Ngày giao dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm.
- Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản ròng và Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Nguyên tắc chung của việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản và khả năng thực hiện các giao dịch của Quỹ.
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ, quy định tại Sổ Tay Định Giá cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường Việt Nam.
- Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề xuất lên cấp có thẩm quyền thông qua phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

4. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

4.1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

4.2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá khi có một trong những tiêu chí sau:

- Khi Công ty Quản lý quỹ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;

- Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

5. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức giới hạn chênh lệch được quy định tại Điều lệ quỹ, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được Ban đại

		<p>diện quỹ chấp thuận.</p> <p>Ghi chú:</p> <p>(*) Giới hạn chênh lệch:</p> <p><i>Áp dụng cho Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương: Giới hạn chênh lệch được hiểu là lãi suất chiết khấu của kỳ định giá có biến động tăng giảm từ 0,5% trở lên so với kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA (lãi suất này được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính) (đối với trái phiếu chính phủ) và biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ được bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) so với lãi suất chiết khấu của kỳ định giá gần nhất</i></p> <p><i>Áp dụng cho Trái phiếu doanh nghiệp: Giới hạn chênh lệch được hiểu là Giá áp dụng của kỳ định giá biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với Trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất</i></p> <p>- Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</p> <p>- Đối với trái phiếu hủy niêm yết. Tại ngày hủy niêm yết và sau ngày hủy niêm yết, giá trái phiếu là một trong các mức giá được xác định theo các tiêu chí tại mục Trái phiếu không niêm yết.</p>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		

8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày

		<p>định giá; hoặc</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận</p>
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
Chứng chỉ quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<p>Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.</p>
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc</p> <p>- Giá mua; hoặc</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
Các tài sản khác		
17.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao</p>

		địch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*
- *Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam,...) để tham khảo.*
- *Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.*

Tại mọi thời điểm, dư nợ vay, các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị.

6. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

- Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV): bằng tổng giá trị của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.
- Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá (bao gồm các khoản phải trả mua chứng khoán, phí quản lý, phí lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có],...).

$$NAV = \text{Tổng tài sản có của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$$

- Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ): bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

$$NAV/CCQ = \frac{\text{Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ}}{\text{Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành}}$$

- Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán kiểm toán và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

7. Quy trình định giá

- Vào Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị chứng chỉ Quỹ theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Mục 5 & 6.
- Công ty Quản lý Quỹ thực hiện lấy giá từ Tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và lấy giá từ hệ thống báo giá, để cung cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.

8. Quy trình thay đổi các nội dung tại Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Khi các điều kiện thị trường thay đổi, công ty quản lý quỹ nhận thấy cần thiết phải thay đổi nguyên tắc định giá tài sản hoặc nội dung khác trong Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng để phản ánh giá trị danh mục được chính xác hơn, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất các sửa đổi, bổ sung trong Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được công ty quản lý quỹ đề xuất đề cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được áp dụng vào Ngày định giá gần nhất sau ngày Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng mới được phê duyệt.

PHỤ LỤC 4

MẪU BIỂU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

1. Đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở
2. Thoả thuận cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến
3. Phiếu đăng ký giao dịch Chứng chỉ quỹ mở
4. Đơn thay đổi thông tin Nhà đầu tư

ĐƠN ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

I THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ																			
1	Kiểu nhà đầu tư: Cá nhân <input type="checkbox"/> Tổ chức <input type="checkbox"/>																		
2	Tên Nhà đầu tư:																		
3	Ngày sinh: Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/> Quốc tịch:																		
4	Số định danh cá nhân/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:																		
5	Điện thoại: Email:																		
6	Địa chỉ liên hệ:																		
7	Địa chỉ thường trú/Trụ sở chính:																		
8	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">Tài khoản ngân hàng/ Tài khoản giao dịch chứng khoán</td> <td style="padding: 5px;">Chủ tài khoản:</td> <td style="padding: 5px;">Số tài khoản:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Tại Ngân hàng/CTCK:</td> <td style="padding: 5px;">Chi nhánh:</td> </tr> </table>	Tài khoản ngân hàng/ Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chủ tài khoản:	Số tài khoản:		Tại Ngân hàng/CTCK:	Chi nhánh:												
Tài khoản ngân hàng/ Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chủ tài khoản:	Số tài khoản:																	
	Tại Ngân hàng/CTCK:	Chi nhánh:																	
9	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">Nhà đầu tư Cá nhân</td> <td style="padding: 5px;">Nghề nghiệp:</td> <td style="padding: 5px;">Chức vụ:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Đơn vị công tác:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Địa chỉ đơn vị công tác:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> </table>	Nhà đầu tư Cá nhân	Nghề nghiệp:	Chức vụ:		Đơn vị công tác:			Địa chỉ đơn vị công tác:										
Nhà đầu tư Cá nhân	Nghề nghiệp:	Chức vụ:																	
	Đơn vị công tác:																		
	Địa chỉ đơn vị công tác:																		
10	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">Nhà đầu tư Tổ chức</td> <td style="padding: 5px;">Tên tổ chức:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Cơ cấu tổ chức:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Người đại diện pháp luật:</td> <td style="padding: 5px;">Chức vụ:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Số định danh cá nhân:</td> <td style="padding: 5px;">Ngày cấp:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Nơi cấp:</td> <td style="padding: 5px;">Điện thoại:</td> </tr> </table>	Nhà đầu tư Tổ chức	Tên tổ chức:			Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động:			Cơ cấu tổ chức:			Người đại diện pháp luật:	Chức vụ:		Số định danh cá nhân:	Ngày cấp:		Nơi cấp:	Điện thoại:
Nhà đầu tư Tổ chức	Tên tổ chức:																		
	Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động:																		
	Cơ cấu tổ chức:																		
	Người đại diện pháp luật:	Chức vụ:																	
	Số định danh cá nhân:	Ngày cấp:																	
	Nơi cấp:	Điện thoại:																	
11	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">Thông tin người được ủy quyền đặt lệnh</td> <td style="padding: 5px;">Họ và tên:</td> <td style="padding: 5px;">Chức vụ:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Số định danh cá nhân:</td> <td style="padding: 5px;">Ngày cấp:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Nơi cấp:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Giấy ủy quyền số:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Điện thoại:</td> <td style="padding: 5px;">Email:</td> </tr> </table>	Thông tin người được ủy quyền đặt lệnh	Họ và tên:	Chức vụ:		Số định danh cá nhân:	Ngày cấp:		Nơi cấp:			Giấy ủy quyền số:			Điện thoại:	Email:			
Thông tin người được ủy quyền đặt lệnh	Họ và tên:	Chức vụ:																	
	Số định danh cá nhân:	Ngày cấp:																	
	Nơi cấp:																		
	Giấy ủy quyền số:																		
	Điện thoại:	Email:																	
12	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; border-right: 1px solid black; padding: 5px;">Thông tin về người được hưởng lợi</td> <td style="padding: 5px;">Họ và tên:</td> <td style="padding: 5px;">Ngày sinh:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Số định danh cá nhân:</td> <td style="padding: 5px;">Ngày cấp:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Nơi cấp:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Địa chỉ:</td> <td style="padding: 5px;"></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Điện thoại:</td> <td style="padding: 5px;">Email:</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Số tài khoản thanh toán:</td> <td style="padding: 5px;">Mở tại:</td> </tr> </table>	Thông tin về người được hưởng lợi	Họ và tên:	Ngày sinh:		Số định danh cá nhân:	Ngày cấp:		Nơi cấp:			Địa chỉ:			Điện thoại:	Email:		Số tài khoản thanh toán:	Mở tại:
Thông tin về người được hưởng lợi	Họ và tên:	Ngày sinh:																	
	Số định danh cá nhân:	Ngày cấp:																	
	Nơi cấp:																		
	Địa chỉ:																		
	Điện thoại:	Email:																	
	Số tài khoản thanh toán:	Mở tại:																	
13	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:</td> <td style="padding: 5px;">Chức danh (nếu là cá nhân):</td> </tr> </table>		Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:	Chức danh (nếu là cá nhân):															
	Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:	Chức danh (nếu là cá nhân):																	

Handwritten signature

	<p>Thông tin về người nội bộ/ người có liên quan của người nội bộ của Quỹ</p>	<p>Mối quan hệ:</p>
II NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT		
1	<p>Bằng việc ký vào Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ mở này, tôi/ chúng tôi đồng ý việc đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ để thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ mở do Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VTBC) quản lý. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc đăng ký mở tài khoản của Tôi/Chúng tôi phụ thuộc vào việc xem xét và sự chấp thuận của Đại Lý Phân Phối</p>	
2	<p>Tôi/ Chúng tôi đăng ký mua Đơn vị Quỹ của (các) Quỹ và xác nhận rằng đã nhận, đọc và hiểu (các) tài liệu liên quan cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ, và chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong Bản Cáo Bạch, Điều lệ Quỹ và Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ mở.</p>	
3	<p>Tôi/ Chúng tôi ở đây xác nhận rằng Tôi/Chúng tôi nhận thức được rằng giá trị của Đơn vị Quỹ có thể tăng hoặc giảm.</p>	
4	<p>Tôi/Chúng tôi tuyên bố rằng Tôi/Chúng tôi trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực để tham gia vào giao dịch mua, nắm giữ và/ hoặc liên quan đến Đơn vị Quỹ.</p>	
5	<p>Tôi/Chúng tôi tuyên bố và đồng ý rằng các lệnh liên quan đến Đơn vị Quỹ của tôi/ chúng tôi sau này sẽ được thực hiện theo các văn bản hiện hành của VTBC áp dụng cho các quỹ mở.</p>	
6	<p>Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng việc chấp nhận và xử lý đơn đăng ký (trừ đơn đăng ký ban đầu), bán và chuyển đổi nếu thực hiện theo chỉ định giao dịch bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ; Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng VTBC sẽ không phải chịu trách nhiệm cho việc thực hiện theo chỉ dẫn bằng fax hoặc hình thức điện tử khác và các tổn thất phát sinh.</p>	
7	<p>Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng dữ liệu của Tôi/Chúng tôi có thể được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền nếu luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu. Dữ liệu đó có thể được sử dụng cho mục đích quản trị tài khoản, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, xác minh về thuế khi cần thiết, cũng như để phát triển hoạt động bán hàng và tiếp thị cho các sản phẩm của VTBC. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng dữ liệu có thể được chuyển cho các công ty do VTBC chỉ định và/ hoặc Đại lý phân phối để hỗ trợ các hoạt động có liên quan đến khoản đầu tư vào Đơn vị Quỹ của tôi/chúng tôi.</p>	
8	<p>Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng các thông tin có trong mẫu đăng ký là hoàn chỉnh và chính xác và tôi/ chúng tôi theo đây đồng ý cập nhật các thay đổi về thông tin công ty hay thông tin cá nhân của tôi/ chúng tôi trong thời gian sớm nhất. Tôi/ Chúng tôi ở đây xác nhận sẽ bồi thường cho VTBC hoặc bất kỳ giám đốc, cán bộ, nhân viên hoặc đại diện nào của VTBC đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại hoặc các chi phí khác mà họ có thể gánh chịu do thông tin sai hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin không đầy đủ.</p>	
9	<p>Tôi/ Chúng tôi ở đây ủy quyền cho Đại lý Phân Phối của Quỹ mở của VTBC tiết lộ các thông tin về tài khoản của Tôi/Chúng tôi (bao gồm cả sao kê tài khoản) cho Đại lý phân phối của tôi/ chúng tôi theo tên và địa chỉ ghi trong đơn đăng ký của tôi/ chúng tôi và không quy trách nhiệm cho VTBC và Đại lý phân phối liên quan đến việc tiết lộ thông tin này.</p>	
10	<p>Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng VTBC, Ngân hàng lưu ký giám sát & lưu ký hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác có liên quan có quyền sử dụng, lưu giữ, tiết lộ, chuyển, soạn, kết hợp, lấy và trao đổi (bất kể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam), các thông tin liên quan đến Tôi/Chúng tôi hoặc do Tôi/Chúng tôi cung cấp trực tiếp hay gián tiếp, với, hoặc kết hợp với bất kỳ bên thứ ba nào mà VTBC, Ngân hàng lưu ký giám sát & lưu ký hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác xét thấy là cần thiết. Tôi/Chúng tôi cũng hiểu và đồng ý rằng bên thứ ba nhận thông tin đó có thể phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu luật áp dụng. Tất cả các thông tin sẽ được nỗ lực bảo vệ ở mức độ hợp lý tránh việc xâm nhập hoặc tiết lộ trái phép.</p>	
11	<p>Tôi/ Chúng tôi công nhận rằng mẫu phiếu này cũng như các giao dịch liên quan đến Đơn vị Quỹ của VTBC được điều chỉnh và được giải thích theo luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p>	
12	<p>Khi thực đặt lệnh mua bán chứng chỉ quỹ trực tuyến, Tôi/ Chúng tôi được hiểu là đã chấp thuận các điều khoản và điều kiện giao dịch đối với giao dịch trực tuyến mà Đại Lý Phân Phối công bố và áp dụng tại thời điểm giao dịch.</p>	
13	<p>Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng việc ký kết và cung cấp Dữ liệu cá nhân theo Hợp đồng này chính là sự chấp thuận đối với toàn bộ nội dung "Điều khoản và Điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân" của VTBC, theo đó Tôi/Chúng tôi đồng ý và cho phép VTBC được quyền thu thập, xử lý Dữ liệu cá nhân của Tôi/Chúng tôi để thực hiện các công việc đã nêu</p>	

	trong “Điều khoản và Điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân”. Nội dung điều khoản được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTBC.
14	Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các Điều kiện và Điều khoản này có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế tùy vào từng thời điểm và sẽ được VTBC /Đại lý Phân Phối công bố trên website chính thức.
15	Tôi đã đọc, hiểu và đồng ý với Cam kết của Nhà đầu tư
III	CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VTBC)
1	VTBC cam kết tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ
2	VTBC cam kết thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3	VTBC cam kết cung cấp miễn phí hoặc thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu
4	VTBC cam kết không đầu tư vào chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép
5	VTBC cam kết không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư
6	VTBC cam kết thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời
a	VTBC cam kết cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu
8	VTBC đảm bảo mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư
9	VTBC đảm bảo tuân thủ các cam kết khác theo quy định của Điều lệ và Bản cáo bạch

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Người được uỷ quyền (nếu có) <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>	Nhà đầu tư <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>

IV - XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Tên Đại lý phân phối: _____

Mã đại lý phân phối: _____

Địa chỉ trụ sở chính: _____

Nhân viên nhận lệnh <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kiểm soát <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Đại diện có thẩm quyền của Đại lý phân phối <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>
Ngày: _____	Ngày: _____	Ngày: _____

XÁC THỰC VÀ NHẬN BIẾT DẤU HIỆU HOA KỲ THEO FATCA

DẤU HIỆU HOA KỲ

Có Không

FATCA là Đạo luật Tuân thủ về Thuế đối với Tài khoản nước ngoài được Chính phủ Hoa Kỳ thông qua vào ngày 18/03/2010. FATCA nhằm vào việc ngăn chặn người đóng thuế Hoa Kỳ sử dụng tài khoản mở ở ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ để trốn thuế. Bất kỳ tổ chức tài chính nào không tuân thủ FATCA sẽ có thể bị khấu trừ 30% thuế trên các khoản thanh toán có nguồn gốc từ khách hàng tại Hoa Kỳ. Theo luật thuế Liên bang Hoa Kỳ, VTBC được yêu cầu cung cấp thông tin người nộp thuế là các cá nhân đang duy trì tài khoản tại VTBC (dù cá nhân đó là người Hoa Kỳ hay không phải người Hoa Kỳ). Thông tin được thu thập sẽ được sử dụng duy nhất theo yêu cầu của Luật thuế liên bang Hoa Kỳ và sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Để đáp ứng yêu cầu này, VTBC cần phải nhận được mẫu W9 hoặc W8 được điền đầy đủ và/hoặc các mẫu biểu và chứng từ khác chứng minh tình trạng của quý khách hàng (cho dù quý khách hàng là người Hoa Kỳ hay không phải người Hoa Kỳ), nêu rõ tình trạng thuế của quý khách hàng. Xin quý khách hàng lưu ý, việc không nộp mẫu kê khai thuế này có thể khiến VTBC bắt buộc phải khấu trừ (giữ lại) 30% của bất kỳ giao dịch nào có nguồn gốc từ Hoa Kỳ được chuyển tới/chuyển về tài khoản của quý khách hàng tháng cho IRS và/hoặc đóng tài khoản của quý khách. Quy trình này sẽ tiếp tục cho đến khi VTBC nhận được form W9 hoặc W8 hoặc các chứng từ khác để xác minh tình trạng của quý khách, nếu có thể áp dụng.

Xin vui lòng xác nhận tình trạng FATCA của quý khách bằng cách điền vào các ô thích hợp:

ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN			
Nội dung kê khai	Chủ tài khoản	Người được ủy quyền sử dụng tài khoản (nếu có)	Diễn giải
Quý khách là công dân Hoa Kỳ hoặc là thường trú nhân hợp pháp tại Hoa Kỳ (có thể xanh)?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền form W-9.
Quý khách có sinh ra tại Hoa Kỳ không (Nơi sinh tại Hoa Kỳ)?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9 hoặc Form W-8BEN cùng các giải trình hợp lý bằng văn bản về việc không có quốc tịch Mỹ bao gồm nhưng không giới hạn việc: cung cấp hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ hoặc giấy tờ tương tự chứng thực tình trạng công dân nước ngoài và văn bản chứng nhận về việc từ bỏ quyền công dân Hoa Kỳ của chủ tài khoản hay lý do chủ tài khoản không có quốc tịch Mỹ khi sinh ra.
Quý khách có thư ủy quyền hoặc ủy quyền cho một cá nhân/tổ chức có địa chỉ tại Hoa Kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.
Quý khách có lệnh chuyển tiền tới tài khoản tại Hoa Kỳ hoặc khoản tiền nhận được thường xuyên từ một địa chỉ Hoa Kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.
Quý khách có địa chỉ trên hồ sơ "có liên quan" hoặc "gửi thư" hoặc có địa chỉ P.O. Box Hoa Kỳ hoặc/và số điện thoại Hoa Kỳ?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.

ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC			
Nội dung kê khai	Chủ tài khoản	Người được ủy quyền sử dụng tài khoản (nếu có)	Diễn giải
Tổ chức có quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư tại Mỹ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Xin vui lòng điền mẫu W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng
Tổ chức có được xem như một Định chế tài chính ngoài Mỹ theo quy định của FATCA không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Xin vui lòng cung cấp mã số GIIN: hoặc mẫu W-8BEN-E (nếu tổ chức không có mã số GIIN)
Tổ chức có nhà đầu tư/cổ đông là người Mỹ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Xin vui lòng điền mẫu W-8BEN-E
Tổ chức là tổ chức phi tài chính nước ngoài có thu nhập thụ động theo định nghĩa của FATCA?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Xin vui lòng điền mẫu W-8BEN-E
Các loại hình Công ty khác không phải là Công ty của Hoa Kỳ và Định chế Tài chính như được quy định ở trên?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Xin vui lòng ghi rõ
Có bất kỳ chủ sở hữu hưởng lợi nào của công ty là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp ở Hoa Kỳ theo các quy định về thuế của Hoa Kỳ hay không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Cung cấp tên và mã số thuế (TIN) của mỗi chủ sở hữu hưởng lợi là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp tại Hoa Kỳ phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ Họ tên, Hộ chiếu, Mã số thuế, Địa chỉ, Quốc tịch

THÔNG TIN VỀ NHU CẦU ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Xin vui lòng xác nhận bằng cách điền vào các ô thích hợp:

Thời gian dự kiến đầu tư	Dưới 12 tháng <input type="checkbox"/>	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng <input type="checkbox"/>	Trên 24 tháng <input type="checkbox"/>	
Mức độ chấp nhận rủi ro (nếu có)	Cao <input type="checkbox"/>	Trung bình <input type="checkbox"/>	Vừa phải <input type="checkbox"/>	Thấp <input type="checkbox"/>
Kinh nghiệm trong hoạt động đầu tư chứng khoán	Trên 5 năm <input type="checkbox"/>	Từ 1 đến 5 năm <input type="checkbox"/>	Dưới 1 năm <input type="checkbox"/>	Chưa có kinh nghiệm <input type="checkbox"/>

THỎA THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tên Nhà đầu tư:

Số định danh cá nhân/Số ĐKKD:

Số tài khoản:

Nhà đầu tư đề nghị và Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“VTBC”) chấp thuận cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến với các điều kiện điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong phạm vi Điều khoản và điều kiện này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. VTBC: là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- 1.2. Nhà đầu tư: là cá nhân, tổ chức đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và được VTBC chấp thuận.
- 1.3. Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến (“Dịch vụ”): là dịch vụ do VTBC cung cấp thông qua mạng internet, cho phép Nhà đầu tư thực hiện gửi các lệnh/chỉ thị giao dịch, thanh toán bao gồm nhưng không giới hạn: truy vấn thông tin số dư tài khoản, truy vấn lịch sử giao dịch, thực hiện mua bán chứng chỉ quỹ, các giao dịch, tiện ích khác được VTBC cung cấp thông qua việc truy cập vào hệ thống VTBC.
- 1.4. OTP (One Time Password): Mật khẩu sử dụng một lần, được sinh ra từ phương thức xác thực theo quy định của VietinBank Capital sử dụng cho việc xác thực các lệnh/chỉ thị giao dịch/thanh toán thông qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.
- 1.5. Hệ thống VTBC: là trang thông tin điện tử tại địa chỉ: <https://vietinbankcapital.vn> hoặc các ứng dụng khác (VietinBank iPay,...), các địa chỉ khác theo quy định của VTBC.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

2.1. Phương thức sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến

- 2.1.1. Nhà đầu tư truy cập Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến để đăng ký, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của VTBC, các tiện ích khác do VTBC cung cấp từng thời kỳ thông qua việc khởi tạo và gửi cho VTBC các lệnh/chỉ thị giao dịch/thanh toán, lệnh truy vấn thông tin...
- 2.1.2. Nhà đầu tư phải tuân thủ, thực hiện đúng theo hướng dẫn sử dụng của các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến do VTBC ban hành và đăng tải trên Website VTBC hoặc các hướng dẫn trên giao diện sử dụng của Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến. Trường hợp có sự thay đổi về hướng dẫn sử dụng dịch vụ sẽ được VTBC đăng tải tại Website VTBC.
- 2.1.3. Việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ, tiện ích thông qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến phải tuân thủ theo các quy định nghiệp vụ, hướng dẫn, điều kiện điều khoản của VTBC đối với sản phẩm dịch vụ, tiện ích đó.

2.2. Nguyên tắc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến

2.2.1. Nhà đầu tư chấp nhận rằng bất cứ hành động nào: đăng nhập/truy cập vào hệ thống VTBC bằng chính tên đăng nhập với đúng mật khẩu của Nhà đầu tư hoặc sử dụng các phương thức khác theo quy định của Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến với đúng mật khẩu và/hoặc kết hợp phương pháp xác thực khác do VTBC cung cấp cho Nhà đầu tư, để thực hiện tạo và gửi các lệnh/chỉ thị giao dịch cho VTBC thì các lệnh/chỉ thị này được xem là do chính Nhà đầu tư thực hiện và Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các lệnh/chỉ thị giao dịch này.

2.2.2. Các giao dịch đã được xử lý, thực hiện thành công theo các lệnh/chỉ thị do Nhà đầu tư tạo lập và gửi cho VTBC thông qua các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến là có giá trị và không hủy ngang, Nhà đầu tư chịu trách nhiệm đối với các giao dịch đã được xử lý, thực hiện.

2.2.3. Dữ liệu, thông tin ghi nhận trên hệ thống của VTBC dưới bất kỳ hình thức nào về việc nhận và xử lý các lệnh/chỉ thị giao dịch của Nhà đầu tư cũng như nội dung các lệnh/chỉ thị này là bằng chứng có giá trị pháp lý rằng Nhà đầu tư đã sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và Nhà đầu tư sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các lệnh/chỉ thị giao dịch này.

2.3. Thời điểm, thời hạn sử dụng Dịch vụ

Nhà đầu tư được sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký và hệ thống của VTBC kích hoạt thành công dịch vụ cho đến khi thuộc một trong các trường hợp chấm dứt sử dụng theo quy định tại Điều 11 Điều khoản và điều kiện này.

ĐIỀU 3. PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THU PHÍ

3.1. Phí dịch vụ

Phí dịch vụ là các khoản phí Nhà đầu tư phải trả khi sử dụng các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến. Biểu phí sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến do VTBC quy định, có thể thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp quy định của pháp luật và có giá trị hiệu lực với Nhà đầu tư.

3.2. Phương thức thu phí

3.2.1. VTBC tự động trích từ số tiền mua/bán chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư đối với các dịch vụ có thu phí theo định kỳ hoặc theo giao dịch phát sinh căn cứ theo biểu phí có hiệu lực tại thời điểm phát sinh.

ĐIỀU 4. KHỞI TẠO, GỬI, NHẬN, THỰC HIỆN LỆNH/CHỈ THỊ GIAO DỊCH

4.1. Khởi tạo, gửi lệnh/chỉ thị giao dịch

4.1.1. Lệnh/chỉ thị giao dịch, thanh toán qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến được coi là hợp pháp, hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

4.1.1.1. Nhà đầu tư thực hiện theo đúng hướng dẫn của VTBC.

4.1.1.2. Lệnh/chỉ thị giao dịch được tạo lập, gửi từ đúng tài khoản truy cập Dịch vụ đã được Nhà đầu tư đăng ký sử dụng với VTBC và/hoặc do VTBC cung cấp.

4.1.1.3. Đối với lệnh/chỉ thị giao dịch/thanh toán phải đầy đủ nội dung theo quy định của VTBC.

4.1.1.4. Được xác thực/định danh theo phương thức do VTBC quy định đối với Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến đó;

4.1.1.5. Các điều kiện khác theo quy định của VTBC (nếu có).

VTBC được quyền từ chối thực hiện lệnh/chỉ thị giao dịch, thanh toán không hợp pháp, hợp lệ.
4.1.2. Nhà đầu tư có thể khởi tạo và gửi lệnh/chỉ thị giao dịch, thanh toán qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến vào bất cứ thời gian nào trong ngày.

4.1.3. Lệnh/chỉ thị giao dịch của Nhà đầu tư qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến được coi là đã gửi khi lệnh/chỉ thị giao dịch được nhập thành công vào hệ thống thông tin của VTBC và nằm ngoài sự kiểm soát của Nhà đầu tư.

4.2. Nhận lệnh/chỉ thị giao dịch

VTBC được coi là đã nhận được lệnh/chỉ thị giao dịch của Nhà đầu tư thông qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến khi lệnh/chỉ thị giao dịch đã được ghi nhận vào hệ thống quản lý giao dịch điện tử của VTBC đúng cách và có thể truy cập được.

4.3. Hủy lệnh/chỉ thị giao dịch

Trường hợp Nhà đầu tư muốn hủy lệnh/chỉ thị giao dịch đã gửi cho VTBC thông qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến, VTBC được xem xét (nhưng không bắt buộc) thực hiện việc hủy lệnh/chỉ thị của Nhà đầu tư nếu VTBC chưa xử lý/ thực hiện giao dịch trên hệ thống theo lệnh/chỉ thị của Nhà đầu tư và việc hủy lệnh/chỉ thị giao dịch không ảnh hưởng đến lợi ích của VTBC cũng như quyền, lợi ích của bất kỳ bên thứ ba nào khác.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

5.1. Quyền của Nhà đầu tư

5.1.1. Sử dụng các sản phẩm, dịch vụ, tiện ích của VTBC thông qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến trong phạm vi đã đăng ký với VTBC.

5.1.2. Thay đổi thông tin Nhà đầu tư đã đăng ký, yêu cầu cấp lại mật khẩu, thay đổi phương thức định danh Nhà đầu tư...

5.1.3. Có quyền ngừng sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến sau khi thông báo bằng văn bản cho trụ sở của VTBC nơi Nhà đầu tư đăng ký sử dụng dịch vụ, bao gồm cả trường hợp Nhà đầu tư không đồng ý với các nội dung sửa đổi, bổ sung của Phí dịch vụ và Điều khoản và điều kiện do VTBC ban hành.

5.1.4. Có quyền kích hoạt và sử dụng các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến gia tăng khác thông qua các phương thức đăng ký và kích hoạt do VTBC cung cấp trong từng thời kỳ.

5.1.5. Gửi yêu cầu hỗ trợ, tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến cho VTBC thông qua các hình thức: Đến Trụ sở VTBC hoặc gọi điện thoại đến VTBC theo số 02439388855, hoặc hình thức khác theo quy định của VTBC.

5.2. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

5.2.1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết khi đăng ký và/hoặc phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của VTBC.

5.2.2. Tuân thủ các quy định pháp luật và quy định của VTBC liên quan đến việc đăng ký và sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.

5.2.3. Cập nhật, theo dõi các thông tin, thông báo, quy định, hướng dẫn về sử dụng Dịch vụ của VTBC theo các phương thức như:

- (i) cập nhật trên Website VTBC;
- (ii) tài liệu hướng dẫn tại Trụ sở VTBC;

- (ii) thông báo, hướng dẫn của VTBC qua email, tin nhắn sms;
- (iv) các phương thức khác theo quy định của VTBC trong từng thời kỳ
- 5.2.4. Đồng ý sử dụng các thông tin, mẫu chữ ký đã đăng ký theo Điều khoản và điều kiện này để sử dụng các dịch vụ điện tử gia tăng khác do VTBC cung cấp trong từng thời kỳ.
- 5.2.5. Quản lý, bảo mật tên truy cập Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và mật khẩu, các thiết bị xác thực/định danh Nhà đầu tư, bảo đảm các lệnh/chi thị giao dịch được gửi từ đúng người có thẩm quyền của Nhà đầu tư đã đăng ký.
- 5.2.6. Chịu trách nhiệm với các lệnh/chi thị giao dịch được lập bởi tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố xác thực/định danh của Nhà đầu tư qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.
- 5.2.7. Đồng ý sử dụng các dữ liệu liên quan đến việc sử dụng dịch vụ được xuất ra từ hệ thống của VTBC hoặc bên thứ ba phối hợp cung cấp dịch vụ để làm cơ sở giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư và các bên liên quan.
- 5.2.8. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và chịu trách nhiệm về các thông tin của bên thụ hưởng trước khi thực hiện lệnh/chi thị giao dịch.
- 5.2.9. Chịu trách nhiệm với các thiệt hại xảy ra/phát sinh do:
- (i) Nhà đầu tư để lộ hoặc bị người khác sử dụng tên truy cập, mật khẩu, thiết bị bảo mật, chữ ký điện tử, chứng thư điện tử vì bất cứ lý do gì;
- (ii) việc không hủy bỏ, chậm thực hiện, xử lý các lệnh/chi thị giao dịch qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà đầu tư khi các lệnh/chi thị này đã được VTBC xử lý/Thực hiện;
- (iii) tranh chấp (nếu có) giữa Nhà đầu tư và đơn vị thụ hưởng theo lệnh/chi thị giao dịch của Nhà đầu tư qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.
- 5.2.10. Thông báo, hoàn trả lại cho VTBC:
- (i) các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn được VTBC chuyển thừa/chuyển nhầm vào tài khoản của Nhà đầu tư (bao gồm cả các lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống VTBC);
- (ii) các khoản tiền Nhà đầu tư nhận được từ VTBC qua các giao dịch bị nhầm lẫn, lỗi kỹ thuật mà Nhà đầu tư không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp.
- 5.2.11. Bảo đảm có đủ số dư tiền trên VietinBank iPay khi thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ và đồng ý rằng giao dịch mua chứng chỉ quỹ thực hiện trên hệ thống VTBC được Nhà đầu tư thanh toán trực tiếp từ tài khoản VietinBank iPay của chính Nhà đầu tư.
- 5.2.12. Bảo đảm có đủ số dư trên tài khoản đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến khi thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ và thanh toán các khoản phí theo quy định của VTBC.
- 5.2.13. Thông báo kịp thời cho VTBC khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến hoặc có lệnh/chi thị giao dịch thanh toán bất hợp pháp trên tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA VTBC

6.1. Quyền của VTBC

- 6.1.1. Từ chối xử lý, thực hiện các lệnh/chi thị giao dịch, thanh toán không hợp lệ, hợp pháp theo quy định của VTBC, quy định pháp luật.

6.1.2. Trong trường hợp cần thiết, VTBC được quyền yêu cầu Nhà đầu tư cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết để VTBC có đủ cơ sở thực hiện xử lý, thực hiện lệnh/chi thị giao dịch của Nhà đầu tư gửi cho VTBC qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến .

6.1.3. Khóa quyền truy cập Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến nếu Nhà đầu tư đăng nhập Dịch vụ không thành công quá số lần theo quy định của VTBC từng thời kỳ.

6.1.4. Cung cấp thông tin liên quan đến Nhà đầu tư, tài khoản đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và các giao dịch phát sinh cho bên thứ ba trong trường các hợp:

(i) được sự đồng ý của Nhà đầu tư;

(ii) theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo quy định pháp luật;

(iii) cung cấp cho bên thứ ba hợp tác với VTBC để cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến hoặc để hỗ trợ tra soát, giải quyết các khiếu nại, tranh chấp (nếu có) giữa VTBC và Nhà đầu tư liên quan đến việc thực hiện Điều khoản và điều kiện này.

6.2. Trách nhiệm của VTBC

6.2.1. Thực hiện các lệnh/chi thị giao dịch được gửi qua Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà đầu tư theo quy định tại Điều khoản và điều kiện này, thỏa thuận giữa các bên.

6.2.2. Xử lý, giải quyết và trả lời các khiếu nại, tra soát giao dịch, yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư.

6.2.3. Bảo mật các thông tin liên quan đến Nhà đầu tư, tài khoản, thông tin giao dịch của Nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

6.2.4. Tuân thủ các quy định tại Điều khoản và điều kiện này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT, BẢO ĐẢM AN TOÀN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

Để bảo đảm an toàn trong việc sử dụng các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến, Nhà đầu tư có trách nhiệm:

7.1. Bảo mật tên truy cập, mật khẩu Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và điện thoại/thiết bị di động sử dụng để nhận OTP, các thiết bị bảo mật khác do VTBC cung cấp để xác thực giao dịch và thực hiện các biện pháp cần thiết ở mức độ cao nhất nhằm phòng chống việc sử dụng trái phép mật khẩu dịch vụ, thiết bị sinh OTP.

7.2. Thông báo cho VTBC để khóa dịch vụ khi phát hiện hoặc nghi ngờ bị lộ mật khẩu dịch vụ hoặc có truy cập trái phép Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến hoặc thiết bị sinh OTP bị mất cắp, thất lạc và thực hiện theo hướng dẫn của VTBC để cài đặt lại thiết bị sinh OTP/Cấp lại thiết bị bảo mật khác (nếu có).

7.3. Thông báo cho VTBC sau để khóa dịch vụ khi thuê bao di động bị khóa hai chiều hoặc có sự chuyển đổi chủ sở hữu/chuyển đổi sử dụng sim điện thoại hoặc bị mất sim điện thoại đăng ký dịch vụ. VTBC không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về những thiệt hại do hậu quả của việc Nhà đầu tư không thông báo về những sự việc nói trên.

ĐIỀU 8. RỦI RO VÀ XỬ LÝ RỦI RO

Nhà đầu tư nhận thức được các rủi ro trong việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến và đồng ý tự chịu trách nhiệm về các rủi ro nếu có phát sinh trong các trường hợp sau:

8.1. Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: lũ lụt, hỏa hoạn, bãi công, đình công, thiên tai, dịch họa, chiến tranh, thay đổi quy định pháp luật, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền...

8.2. Các sự cố/sự kiện phát sinh nằm ngoài phạm vi kiểm soát, phòng ngừa và dự kiến của VTBC dẫn đến việc không thể nhận, xử lý hoặc thực hiện các giao dịch trực tuyến của Nhà đầu tư như:

8.2.1. Hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin gặp sự cố, bị thâm nhập trái phép, hoặc vì bất kỳ lý do nào khác nằm ngoài phạm vi kiểm soát của VTBC.

8.2.2. Hệ thống thông tin, máy tính của VTBC gặp sự cố do bị tấn công, nhiễm virus hoặc bị ảnh hưởng của những sự cố ngoài ý muốn khác.

8.3. Các sự cố/sự kiện phát sinh do lỗi từ phía Nhà đầu tư:

8.3.1. Hệ thống máy tính của Nhà đầu tư bị hỏng, bị virus, bị tấn công dẫn đến việc làm lộ hoặc bị đánh cắp các thông tin Nhà đầu tư (Thông tin tài khoản truy cập, mật khẩu, thông tin khác ...) hoặc tài khoản truy cập Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến của Nhà đầu tư bị sử dụng một cách trái phép bởi một bên thứ ba.

8.3.2. Số điện thoại/sim điện thoại/máy điện thoại của Nhà đầu tư bị sử dụng một cách trái phép bởi bên thứ ba; Mật khẩu giao dịch/Mã giao dịch/Thông tin của Nhà đầu tư bị bên thứ ba sử dụng dẫn đến thiệt hại cho Nhà đầu tư.

8.4. Các sự cố phát sinh từ bên thứ ba cung ứng dịch vụ hạ tầng (điện, đường truyền Internet, trung gian thanh toán, các dịch vụ khác):

8.4.1. Các sự cố do mất nguồn điện, sự cố do truyền thông.

8.4.2. Những sự cố liên quan đến đường truyền Internet do nhà cung cấp dịch vụ gây ra như: đứt đường truyền, dung lượng đường truyền bị hạn chế hoặc những sự cố tương tự có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch trực tuyến của Nhà đầu tư.

8.4.3. Hệ thống của bên thứ ba có liên quan đến việc xử lý, thực hiện các lệnh/chỉ thị thanh toán của Nhà đầu tư bị xảy ra sự cố.

ĐIỀU 9. CUNG CẤP DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

9.1. VTBC có quyền khóa/châm dứt/tạm dừng cung cấp các Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến trong trường hợp sau:

9.1.1. Nhà đầu tư không tuân thủ các Điều khoản và điều kiện này, quy định của VTBC và/hoặc của pháp luật về việc sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.

9.1.2. Theo quyết định, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định pháp luật.

9.1.3. Các trường hợp liên quan đến giả mạo, rủi ro hoặc có gian lận hoặc khi lợi ích của VTBC/Nhà đầu tư/bên thứ ba có thể bị vi phạm.

9.1.4. Giao dịch có liên quan đến yếu tố tội phạm, rửa tiền, vi phạm pháp luật hoặc để thực hiện quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định của VTBC và pháp luật.

9.1.5. Khi có các sự cố do nguyên nhân bất khả kháng, vượt quá phạm vi kiểm soát của VTBC.

9.1.6. VTBC tạm dừng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến để bảo trì, bảo dưỡng hệ thống và thông báo cho Nhà đầu tư.

Handwritten signature/initials

9.2. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu khóa/chấm dứt sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến bằng cách gửi văn bản thông báo cho VTBC theo quy định tại Điều khoản và điều kiện này hoặc hình thức khác theo quy định của VTBC từng thời kỳ.

ĐIỀU 10. CUNG CẤP, TRAO ĐỔI THÔNG TIN

10.1. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác cho VTBC các thông tin liên quan đến địa chỉ, thông tin liên lạc, số giấy tờ tùy thân, mẫu chữ ký ... Trong trường hợp thay đổi các thông tin này (bao gồm cả trường hợp Nhà đầu tư sử dụng các dịch vụ khác tại VTBC) Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho VTBC. VTBC không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về những thiệt hại do hậu quả của việc Nhà đầu tư không cung cấp thông tin chính xác và/hoặc không thông báo cho VTBC về sự thay đổi các thông tin nói trên.

10.2. Trong trường hợp Nhà đầu tư thay đổi số điện thoại đã đăng ký Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến nhưng không thông báo bằng văn bản cho VTBC và VTBC chứng minh được đã gửi tin nhắn thông báo phát sinh giao dịch/thực hiện giao dịch cho số điện thoại đã đăng ký, Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán các khoản phát sinh của những giao dịch này.

10.3. Bất kỳ yêu cầu nào của Nhà đầu tư cho VTBC liên quan đến Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến phải được thực hiện bằng văn bản hoặc phương thức khác do hai bên thỏa thuận.

10.4. Mọi thông báo, trao đổi thông tin của VTBC gửi cho Nhà đầu tư theo địa chỉ đã đăng ký với VTBC bằng một trong các phương thức: Fax, thư điện tử, tin nhắn, gửi qua bưu điện/chuyển phát, gửi trực tiếp, thông báo tại trụ sở của VTBC hoặc thông báo tại Website VTBC.

10.5. Tài liệu, thông báo, trao đổi thông tin do VTBC lập và gửi tới Nhà đầu tư được coi là đã nhận được khi:

10.5.1. Vào thời điểm nhận nếu chuyển trực tiếp và có giấy biên nhận.

10.5.2. Vào ngày làm việc liền ngay sau ngày văn bản được gửi bằng bưu điện/chuyển phát tới địa chỉ Nhà đầu tư đã đăng ký.

10.5.3. Sau khi văn bản được gửi bằng Fax tới số Fax của VTBC và máy Fax đã thông báo gửi thành công, không có lỗi.

10.5.4. Sau khi thư điện tử được gửi thành công (hệ thống thư điện tử không nhận được thông báo lỗi về việc gửi, nhận thư).

10.5.5. Vào thời điểm hoàn tất việc niêm yết thông tin tại trụ sở của VTBC hoặc thời điểm VTBC hoàn tất việc đăng tải thông tin trên website của VTBC.

10.5.6. Tin nhắn đã được thực hiện thành công bởi nhà cung cấp dịch vụ viễn thông.

ĐIỀU 11. CHẤM DỨT SỬ DỤNG DỊCH VỤ

11.1. Các trường hợp chấm dứt Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến:

11.1.1. Các bên thỏa thuận chấm dứt Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến.

11.1.2. Nhà đầu tư yêu cầu chấm dứt sử dụng Dịch vụ bằng văn bản thông báo gửi tới VTBC trước 05 ngày làm việc và hoàn thành các nghĩa vụ với VTBC.

11.1.3. VTBC chấm dứt cung cấp dịch vụ trong các trường hợp:

11.1.3.1. Nhà đầu tư bị chết, mất tích, mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không thuộc đối tượng sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến theo quy định tại Điều khoản và điều kiện này, quy định pháp luật.

11.1.3.2. Việc cung cấp dịch vụ, theo đánh giá của VTBC hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến việc VTBC vi phạm các quy định pháp luật hoặc VTBC không còn khả năng cung cấp các dịch vụ này.

11.1.3.3. Các trường hợp VTBC chấm dứt cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 9.1 Điều 9 Điều khoản và điều kiện này.

11.1.3.4. VTBC chấm dứt cung cấp dịch vụ và gửi thông báo tới Nhà đầu tư trước 05 ngày làm việc.

11.1.4. Các trường hợp chấm dứt khác theo quy định pháp luật.

11.2. Nghĩa vụ của các bên khi chấm dứt Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến:

11.2.1. Hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán (nếu có) giữa hai bên liên quan đến việc sử dụng dịch vụ.

11.2.2. Giải quyết các tra soát, khiếu nại có liên quan đến việc thực hiện dịch vụ của hai bên.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

12.1. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

12.1.1. Điều khoản và điều kiện này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

12.1.2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ chủ động giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nơi VTBC có trụ sở để giải quyết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

12.2. Sửa đổi, bổ sung Điều khoản và điều kiện Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến

12.2.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản và điều kiện này được VTBC thông báo cho Nhà đầu tư thông qua một trong các hình thức: Công bố trên Website VTBC, thông báo niêm yết tại trụ sở của VTBC, email hoặc SMS theo địa chỉ đăng ký của Nhà đầu tư.

12.2.2. Trường hợp Nhà đầu tư không đồng ý với các nội dung sửa đổi, bổ sung đó, Nhà đầu tư có thể ngừng sử dụng dịch vụ bằng việc gửi yêu cầu chấm dứt sử dụng dịch vụ bằng văn bản cho VTBC.

12.2.3. Việc Nhà đầu tư tiếp tục sử dụng dịch vụ sau thời hạn thông báo và việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản và điều kiện này có hiệu lực được coi là Nhà đầu tư đã chấp nhận các nội dung sửa đổi, bổ sung đó.

12.3. Các điều khoản khác

12.3.1. Các phụ lục và/hoặc các văn bản, thông báo sửa đổi, bổ sung, thay thế, các thỏa thuận khác giữa các bên (nếu có) là một phần không tách rời của Điều khoản và điều kiện này.

12.3.2. Các vấn đề chưa được quy định tại Điều khoản và điều kiện này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc các cam kết/thỏa thuận có hiệu lực khác giữa các bên.

12.3.3. Nhà đầu tư đã đọc, hiểu, nhất trí và cam kết thực hiện đúng các quy định tại Điều khoản và điều kiện này.

12.3.4. Điều khoản và điều kiện này có hiệu lực kể từ ngày Nhà đầu tư thực hiện đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến của VTBC nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Nhà đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng
TMCP Công thương Việt Nam



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

I PHÂN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ		
Họ và tên:		Số tài khoản:
Số định danh cá nhân/ĐKKD:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
Điện thoại di động:	Thư điện tử:	
Địa chỉ liên hệ:		
Số tài khoản ngân hàng/Tài khoản giao dịch chứng khoán:	Tên ngân hàng/công ty chứng khoán:	
Thông tin người được uỷ quyền (Nếu có):		
Họ và tên:		Số định danh cá nhân:
Ngày cấp:		Nơi cấp:

II THÔNG TIN PHIẾU LỆNH

LOẠI LỆNH: MUA		Ngày đăng ký giao dịch:		
QUỸ	Số tiền đầu tư		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

LOẠI LỆNH: BÁN		Ngày đăng ký giao dịch:		
QUỸ	Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

LOẠI LỆNH/YÊU CẦU: ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ		Ngày đăng ký giao dịch:		
THỜI GIAN ĐẦU TƯ: <input type="checkbox"/> 12 THÁNG <input type="checkbox"/> 24 THÁNG <input type="checkbox"/> 36 THÁNG <input type="checkbox"/> KHÁC: ...				
QUỸ	Số tiền đầu tư định kỳ		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

LOẠI LỆNH: CHUYỂN ĐỔI QUỸ		Ngày đăng ký giao dịch:		
TỪ QUỸ ... SANG QUỸ ...				
QUỸ	Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

LOẠI LỆNH/YÊU CẦU: HỦY LỆNH MUA			Ngày đăng ký giao dịch:	
QUỸ	Số tiền đầu tư		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

LOẠI LỆNH/YÊU CẦU: HỦY LỆNH BÁN			Ngày đăng ký giao dịch:	
QUỸ	Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

LOẠI LỆNH/YÊU CẦU: HỦY LỆNH CHUYỂN ĐỔI QUỸ TỪ QUỸ ... SANG QUỸ ...			Ngày đăng ký giao dịch:	
QUỸ	Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

LOẠI LỆNH/YÊU CẦU: HỦY LỆNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ			Ngày đăng ký giao dịch:	
THỜI GIAN ĐẦU TƯ: <input type="checkbox"/> 12 THÁNG <input type="checkbox"/> 24 THÁNG <input type="checkbox"/> 36 THÁNG <input type="checkbox"/> KHÁC: ...				
QUỸ	Số tiền đầu tư định kỳ		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số chứng từ

Nhà đầu tư/Người được uỷ quyền đặt lệnh
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
Ngày ____ tháng ____ năm ____

III PHÂN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Tên Đại lý phân phối: _____
Mã đại lý phân phối: _____
Thời điểm nhận lệnh: _____

Nhân viên nhận lệnh (Ký, ghi rõ họ tên)	Nhân viên Kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Đại diện có thẩm quyền của Đại lý phân phối (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN THAY ĐỔI THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

I THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ			<input type="checkbox"/> Cá nhân	<input type="checkbox"/> Tổ Chức
Họ và tên:				
Số TK giao dịch CCQ:				
Số định danh cá nhân/ĐKKD:		Ngày cấp:		Nơi cấp:
Số điện thoại:		Email:		
II THÔNG TIN THAY ĐỔI				
Nội dung	Thông tin cũ	Thông tin mới		
Họ và tên:				
Số định danh cá nhân:				
Ngày cấp :				
Nơi cấp:				
Địa chỉ liên hệ:				
Số điện thoại:				
Email:				
Số tài khoản thanh toán/Tài khoản chứng khoán:				
Tên ngân hàng/CTCK:				
	Chữ ký cũ	Chữ ký mới		
Thay đổi chữ ký mẫu				
THAY ĐỔI THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT				
Họ tên:				
Chức vụ:				
Số định danh cá nhân:				
Ngày cấp :				
Nơi cấp:				
	Chữ ký cũ	Chữ ký mới		
Thay đổi chữ ký mẫu				
THAY ĐỔI THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN				
Họ tên:				
Chức vụ:				
Số định danh cá nhân:				
Ngày cấp :				
Nơi cấp:				

Thay đổi chữ ký mẫu	Chữ ký cũ	Chữ ký mới

III NGÀY HIỆU LỰC CỦA YÊU CẦU

 Ngay lập tức

 Từ (ngày, tháng, năm):

IV XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng mọi thông tin nêu trên là đúng sự thật và chính xác. Tôi xác nhận rằng thông tin nêu trên sẽ cập nhật và thay thế các thông tin tôi đã cung cấp cho công ty Quản lý Quỹ VietinBank trước đó. Tôi/Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin trên trước pháp luật

<p>Nhà đầu tư/Người được uỷ quyền đặt lệnh <i>Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu</i> Ngày tháng năm</p>	<p>Xác nhận của VietinBank Capital <i>Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu</i> Ngày tháng năm</p>
---	---

V PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Thời điểm nhận lệnh	Nhân viên nhận lệnh	Nhân viên Kiểm soát

Thông tin Đại lý Phân phối:

Tên Đại lý phân phối:

Mã đại lý phân phối:

Địa chỉ trụ sở chính: